INDO-CHINOIS
8° 103

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

PHẠM QUỲNH *Chủ-nhiệm*

N° 0309

VĂN-MINH LUẬN

PHẠM QUỲNH

biên-dịch

XUẤT-BẢN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN
Phố hàng Gai, số 80-82, Hà-nội
1927

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Nom d'auteur Quỳnh (Phạm)

Titre de l'ouvrage Văn-minh luận (La civilisation)

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° 6369

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R F

VĂN-MINH LUẬN

8° J. 41. 4 —
103

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

PHẠM QUỲNH *Chủ-nhiệm*

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

VĂN-MINH LUẬN

PHẠM QUỲNH

biên-dịch

XUẤT-BẢN TẠI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN

Phố hàng Gai, số 80-82, Hà-nội.

1927

MỤC-LỤC

1.—Giải nghĩa văn-minh..... 7

Loài người tiến-hóa do trình-độ thấp lên trình-độ cao, thế gọi là văn-minh. Gốc sự tiến-hóa là ở tri-thức khai-thông. Người ta càng thông-biểu các lẽ càng tích-lũy được nhiều điều tri-thức và càng ban-bố ra được rộng, thì xã-hội càng được văn-minh.

2.—Tính-cách văn-minh đời nay.... 33

Văn-minh đời nay có bốn cái tính-cách đặc-biệt: 1o có tiến-bộ về đường khoa-học; — 2o có tiến-bộ về nghĩa dân-chủ; — 3o có tiến-bộ về đường kinh-tế; — 4o có tiến-bộ về nghĩa quốc-tế.

3.— Văn-minh học-thuật nước Pháp.. 73

Đặc-tính của văn-minh học-thuật nước Pháp là cái lý-tưởng Nhân-đạo, lấy người ta và cách người ta ăn-ở trong xã-hội làm trọng. Xét về văn-chương, xét về triết-học, xét về tôn-giáo, xét về lịch-sử chính-trị, đều thấy có cái đặc-tính ấy cả.

GIẢI NGHĨA VĂN-MINH

Văn-minh là nói đối với dã-man. Chữ «văn-minh» là một chữ mới. Tuy trong kinh *Dịch* đã có câu: *Thiên-hạ văn-minh* 天下文明,. nhưng dùng theo nghĩa mới để dịch chữ Tây *civilisation* thời mới bắt đầu từ người Nhật-bản. Người Nhật dùng trước (đọc là *bunmei*), người Tàu theo sau, rồi người Nam ta bắt-chước, ngày nay thành một chữ rất thông-dụng. Vậy thì chữ này nhập-tịch tiếng ta, chẳng qua hai mươi năm ngoại mà thôi.

Chính chữ *civilisation ở* tiếng Pháp cũng không phải thông-dụng đã lâu. Tra trong tự-điển của hội Hàn-lâm nước Pháp mới thấy có chữ ấy từ năm 1835. Tới nay, tuy đã là một chữ thường lắm rồi, mà vẫn chưa có định-nghĩa hẳn. Muốn giải-thích cho rõ-ràng, thật cũng không phải dễ. Như trong tự-điển của ông LITTRÉ thời giải-nghĩa văn-minh như thế này: « Văn-minh là gồm những ý-kiến cùng tập-tục, do các kỹ nghệ, tôn-giáo, mĩ-thuật, khoa-học ảnh-hưởng lẫn nhau mà thành ra ».

(*La civilisation est l'ensemble des opinions et des mœurs qui résultent de l'action réciproque des arts industriels, de la religion, des beaux-arts et des sciences*). Ông Guizot trong sách « Bàn về lịch-sử văn-minh Âu châu », thì phân-tách văn-minh ra từng nguyên-chất, rồi xét mỗi trình-độ xã-hội gồm được những nguyên-chất gì, và vì cớ sao chưa thể gọi được là hoàn-toàn-văn-minh, nhưng ông cũng không giải rõ nghĩa văn-minh là gì. Nay cứ lấy cái ý-nghĩa phổ-thông mà giải thì có thể nói rằng: Văn-minh là gồm những nguyên-chất đã gây thành ra xã-hội có trật-tự, và khiến cho người ta thắng-đoạt được vạn-vật, làm chủ được địa-cầu.

Các nguyên-chất ấy tổ-chức thế nào mà gây dựng ra xã-hội, cùng hành động làm sao mà chinh-phục được thế-giới, đây không thể xét cho tường được. Chỉ xin khái-luận về văn-minh khai-hóa thế nào và trong cuộc sinh-hoạt của một dân-tộc phần nào là phần giúp cho văn-minh được tiến-bộ, nghĩa là lấy văn-minh làm một hiện-tượng mà xét xem hiện-tượng ấy sinh-thành tiến-hóa ra làm sao vậy.

Như vậy thì lịch sử văn-minh tức là lịch-sử sự tiến-hóa chung của nhân-loại, đối với lịch-sử chính-trị cũ, chỉ là lịch-sử những chính-sự của các bậc vua chúa mà thôi. Cái thuyết mới về lịch-sử văn-minh phát-minh từ

thế-kỷ thứ 18; thế-kỷ ấy có những danh-nho như ông MONTESQUIEU, VOLTAIRE, GIBBON, HERDER [1] đề-xướng lên, rồi đến thế-kỷ thứ 19 thời có bọn ông KLEMM, BUCKLE [2] và các nhà bác-học thuộc về phái ông DARWIN [3], cũng chủ-trương một thuyết ấy.

---

(1) MONTESQUIEU (Tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cưu), người Pháp (1689-1755), là một nhà pháp-chính-học có tiếng, làm bộ sách « Vạn-pháp tinh-lý » (*L'Esprit des Lois*), đã có dịch ra hán-văn. — VOLTAIRE (Tàu dịch là Phúc-lộc-đặc-nhĩ), người Pháp (1694-1778), là một tay đại-văn-hào về thế-kỷ thứ 18. — GIBBON, người Anh (1737-1796), là một nhà sử-học, làm sách « La-mã-đế-quốc suy-vong-sử » (*Histoire de la décadence et de la chute de l'Empire Romain*). — HERDER, người Đức (1744-1803), là một nhà triết-học làm sách « Nhân-loại lịch-sử triết-lý luận » (*Philosophie de l'histoire de l'humanité*).

(2) BUCKLE, người Anh (1821-1862), là một nhà sử-học, làm sách « Anh-quốc văn-minh-sử » (*Histoire de la civilisation en Angleterre*).

(3) DARWIN (Tàu dịch là Đạt-nhĩ-văn), người Anh (1809-1882), là một nhà bác-học trứ-danh, làm sách « Nói về duyên-lai các giống vật, bởi cách đào-thải tự-nhiên » (*De l'origine des espèces par voie de sélection naturelle*), người Tàu đã dịch ra hán-văn, đề là « Chủng-nguyên » (種源). Theo sách ấy thì các giống sinh-vật trong thế-gian là giống nọ nhân giống kia biến-hóa mà thành ra, giống nào mạnh thì còn, giống nào yếu thì mất; đó tức là cái thuyết « sinh-tồn cạnh-tranh », nhất-danh là « biến-hóa thuyết » vậy. Người Tây nhân tên ông gọi học-thuyết của ông là *Darwinisme* (Đại-nhĩ-văn thuyết).

Đại-khái các học-giả ấy công-nhận rằng người ta do dã-man (*sauvagerie*) mà dần dần đến bán-khai (*barbarie*), do bán-khai mà dần dần lên văn-minh (*civilisation*), đó gọi là « tiến-hóa-thuyết » hay là « tiến-bộ-thuyết » (*doctrine du progrès*); nhà sử-học nước Anh Gibbon là một người chủ-trì thuyết này trước nhất, trái lại thuyết này có người xướng ra thuyết « thoái-hóa » (*théorie de la dégénérescence*); như ông Joseph de Maistre [1] nói rằng các dân-tộc tới bậc bán-khai thời phân nhau ra mà theo hai đường khác, dân này thì cứ tiến mãi lên cho tới cõi văn-hóa càng ngày càng cao, dân kia thì cứ lùi mãi đi mà trở về chốn dã-man đời trước. Cứ thực, thuyết sau ấy không có căn-cứ gì; chưa từng thấy một dân-tộc nào đã khai-hóa rồi mà lại quay về dã-man bao giờ. Gọi là « thoái-hóa » ấy, chẳng qua là đến khi đã văn-minh rồi, còn sót ít nhiều những tục xấu đời trước chưa biến hết mà thôi; thế gọi là « di-tồn thói cũ » (*survivance*), chứ không phải là « thoái-hóa dã-man ». Lại một dân trình-độ

---

(1) Joseph de Maistre (1753-1821), người Pháp, là một nhà triết-học và tôn-giáo, phản-đối cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp, và cố duy-trì những chế-độ quân-chủ cũ. Làm sách « Giáo-hoàng-luận » (*Le Pape*) và sách « Cuộc đạ-đàm ở thành Bỉ-đắc » (*Les Soirées de Saint-Pétersbourg*).

văn-minh đã cao cũng có khi bị dân khác văn-minh còn kém đến xâm-lấn mà biến-hóa đi. Đến như mấy rợ thật dã-man, mà thời-hồ còn nhận thấy như có ít nhiều di-tích văn-minh đời trước, thời những dấu-vết ấy có lẽ là tự giống khác di-truyền sang vậy. Ngày nay, nhờ có các nhà khảo-cổ cứu xét những thời-đại trước khi có lịch-sử, đã biết rõ tình-trạng loài người ta về đời thượng-cổ thế nào, và thấy ở đâu đâu, ở xứ nào đời dùng đá (*âge de la pierre*) cũng là trước đời dùng sắt dùng đồng (*âge du métal*) cả. Sau nữa, một dân-tộc nào đã tới một trình-độ văn-minh cao thời về đường vật-chất tất đã có phát-minh được ít nhiều, tiến-bộ được ít nhiều, không có lẽ nhất-dán tiêu-diệt đi hết cả không còn dấu-vết gì trong cách ăn-ở hằng ngày vậy.

Muốn nghiên-cứu về lịch-sử văn-minh thời vấn-đề thứ nhất phải giải-quyết là vấn-đề này : công-việc của người ta cùng các xã-hội có phép-tắc nhất-định không, hay là do sự ngẫu-nhiên mà ra (tự-nhiệm-thuyết = *doctrine du libre arbitre*), hay là do một cái sức ở ngoài thế-gian can-thiệp vào (thiên-định-thuyết = *doctrine de la prédestination*) ? Hai thuyết tự-nhiệm và thuyết thiên-định ấy phản-đối nhau, nhưng thịnh-hành lắm. Nói rằng mọi việc ở đời là do sự ngẫu-nhiên hay là

do trời định sẵn, thời đối với những người trí-thức tầm thường cũng là một cách giải-nghĩa giản-tiện cho muôn sự bí-hiểm trong thế gian. Nhưng cứ phương-diện khoa-học, thời ngày nay người ta cho hai thuyết ấy là sai-lầm cả, thuyết tự-nhiệm là thuộc về thuần-lý, thuyết thiên-định là thuộc về thần-bí, hai thuyết đều không có căn-cứ ở sự thực cả. Vả cứ nghiệm ngay khi làm một việc gì, bao giờ cũng là bởi một duyên-cớ gì, duyên-cớ ấy cũng lại bởi những nguyên-nhân trước nữa, có nhận mới biết, càng xét càng ra. Vậy thời nếu biết rõ được các nguyên-nhân về trước, tất dự-đoán được những kết-quả về sau. Nhân đó có thể kết-luận rằng phàm công-việc người ta đều có nguyên-nhân cả, hễ nguyên-nhân đã giống, thì kết-quả cũng phải giống. Nguyên-nhân muôn việc của người ta thời hoặc ở trong tinh-thần, hoặc ở ngoài vũ-trụ, vậy thời kết-quả khác nhau thế nào, mọi sự biến-thiên canh-cải, văn-minh khi tiến khi lui, đều là do hai sự hành-động mà ra, một là ngoại-giới hành-động vào tinh-thần, hai là tinh-thần hành-động ra ngoại-giới. Như thế thời một bên là tài-trí người ta theo phép-tắc tự-nhiên mà phát-siển ra, một bên là thế-giới ở ngoài cũng theo phép-tắc tự-nhiên mà suy-diễn ra,

và hai bên tiếp-xúc lẫn nhau vậy. Người ta biến-cải thế-giới, thế-giới cũng biến-cải người ta; bởi sự hành-động ảnh-hưởng lẫn nhau đó mà sinh ra mọi việc ở đời. Nay muốn xét văn-minh tiến-hóa thế nào, trước phải tìm những phép-tắc của sự hành-động ấy thế nào.

Theo nhà sử-học nước Anh là ông BUCKLE, thời những động-lực ở ngoại-giới mà có ảnh-hưởng đến sự tổ-chức chung các xã-hội, là: thứ nhất khí-hậu, thứ nhì sự ăn-uống, thứ ba thổ-địa, thứ tư cảnh-tượng chung trong thế-gian. Khí-hậu, thổ-địa, đồ ăn-uống trong một xứ, ba mối ấy vốn có mật-thiết-quan-hệ với nhau, ta nên xét gồm làm một. Một việc quan-trọng nhất trong sự tiến-hóa của một xã-hội, là sự trử-tích của-cải. Nếu mỗi người chỉ làm để đủ ăn và làm được bao nhiêu ăn vừa hết bấy nhiêu, thời trong xã-hội không thể nào có kẻ học-hành, có người tổ-chức được việc gì cả. Nhưng nếu làm ra mà ăn dùng còn thừa, thời tức-khắc thấy ngoài bọn lao-động nhóm lên một bọn trí-thức, chuyên công luyện-tập các khoa-học, khoa-học tấn-tới tức là văn-minh tiến-bộ, như sau này sẽ giải tường vậy. Nay sự trử-tích của-cải là bởi cái sức mạnh lao-động của người ta cùng cái thành-công của sự lao-động ấy, và cũng bởi tạo-vật hậu-đãi hay bạc-đãi người ta nữa. Hai nguyên-nhân ấy

thời nguyên-nhân thứ nhất là thuộc về khí-hậu (như khí-hậu nóng-nực quá thời sức hoạt-đông của người ta phải kém đi); nguyên-nhân thứ nhì là thuộc về thổ-địa tốt hay xấu. Cứ xét qua lịch-sử vạn-quốc thời biết rằng cổ-lai chưa từng thấy dân nào không có khí-hậu tốt hay thổ-địa tốt mà tự mình khai-hóa văn-minh được. Như ở Á-châu, cái khu-vực của văn-minh chẳng qua là một giải đồng bằng chạy dài từ phía đông-nam nước Tàu cho đến đất Tiểu-Á-tế-á (*Asie mineure*); và phía bắc những xứ ấy thời là những đất bất-mao, chỉ có những rợ Mông-cổ (*Mongols*), Thát-đát (*Tartares*) ở, các rợ này trước khi vào xâm-chiếm mà làm vua trong trung-hạ mấy nước Tàu, Ba-tư (*Perse*), Ấn-độ (*Inde*) thời hãy còn dã-man lắm. Đến khi đã vào ở trung-châu rồi, bấy giờ mới bắt đầu khai-hóa dần ra, trở thành những dân-tộc văn minh, như lập thành chính-thể, gây dựng quốc-văn, v.v.. Thuộc về dân Ả-rập (*Arabes*) cũng từng thấy như vậy. Vốn nơi sinh-trưởng của dân ấy là chỗ đất nghèo-nàn, không cày-cấy gì được, chỉ chuyên mục-súc, nên trước vẫn là rợ du-mục, chưa có chút văn-hóa gì; tự khi vào xâm-chiếm nước Ba-tư (thế-kỷ thứ 7), nước Tây-ban-nha (*Espagne*, thế-kỷ thứ 8), nước *Lahore* (ở Ấn-độ, thế-kỷ thứ 9), thời bấy giờ mới trử-tích được của-

cải nhiều và mở-mang ra được nhiều các nghệ-thuật văn-minh. Lại như nước Ai-cập (*Egypte*), văn-minh xưa rực-rỡ biết bao, nhưng chỉ khu trong một dải đất ở hai bên bờ sông Ni-la (*Nil*) mà thôi. Coi đó thì biết rằng về thời-đại xưa thổ-địa tốt là cái nguyên-động-lực thứ nhất của văn-minh. Nhưng ở về các nước Âu-tây thời nguyên-động-lực ấy lại là khí-hậu. Ở Âu-châu khí-hậu ôn-hòa, tiện-lợi cho sự lao-động, người ta dễ phát-siển nghị-lực của mình mà làm được những sự-nghiệp to; bởi thế nên trong trình-độ văn-minh tiến-hóa, bước trước là thuộc về những dân-tộc sinh-trưởng ở mấy nơi đất tốt ở Á-châu và Phi-châu, nhưng văn-minh Âu-châu chính bởi nghị-lực người ta, không bởi tạo-vật hậu-đãi, nên vừa được lâu bền hơn mà lại vừa tấn-tới được hơn, vì rằng tài-lực của tạo-vật tuy to lớn thật mà không phải là vô-cùng, chứ như tài-trí của loài người thời phát-đạt không biết đến đâu là giới-hạn. Như vậy thì rõ rằng khí-hậu ôn-hòa, giục người ta phải xuất-lực mới có đủ dùng, còn lợi cho sự văn-minh tiến-hóa hơn là thổ-địa phì-nhiêu khiến người ta không khó-nhọc mà được sung-túc.

Một điều quan-trọng nữa cho cuộc văn-minh tiến-hóa là sự phân-phát của-cải trong các hạng người trong xã-hội, ít ra cũng là

trong một thời-kỳ đầu, hồi xã-hội mới thành-lập. Xét ra sự phân-phát này cũng như sự trử-tích kia, cũng là bởi những phép-tắc thiên-nhiên thuộc về ngoại-giới cả. Cứ đại-đề mà xét, thời sự phân-phát của-cải là ở trong hai hạng người : một hạng ra tay lao-động, một hạng mưu-tính chủ-trương, hạng nào cũng có phần lợi ở đó, phần lợi của hạng người lao-động thì gọi là « công » (*salaire*), phần lợi của hạng người chủ-trương thì gọi là « lãi » (*profit*). Lệ thường hễ số người lao-động nhiều thì giá tiền công hạ, trong một xứ đồ ăn nhiều và rẻ, thì dân-số tăng lên mau hơn là những xứ đồ ăn ít và đắt, và giá tiền công của người làm nhân đó cũng sút đi. Ở những xứ khí-hậu nóng thì người ta chỉ cần đến ít đồ ăn cũng đủ giữ được nhiệt-độ trong người và thường hay ăn các thứ cây rau, vừa nhiều vừa dễ kiếm. Đến như những xứ lạnh thì phải ăn nhiều mới đủ giữ được nhiệt-độ, và thường phải ăn những vật có nhiều thán-chất (*carbone*), nhiều mỡ, nhiều dầu, là những vật ít có và khó kiếm. Suy đó thời biết rằng dân-số các xứ nóng tăng lên mau hơn là các xứ lạnh, và giá tiền công người làm ở các xứ nóng có ý càng ngày càng sút đi mà ở các xứ lạnh thời lại càng ngày càng tăng lên. Kết-quả sự đó rất là quan-trọng : ở Á-châu, Phi-châu, Mĩ-châu,

văn-minh phát-đạt sớm ở các xứ nóng, xét ra giá tiền công người làm rất hạ, tình-cảnh kẻ lao-động thật là khổ-sở ; ở Âu-châu thời văn-minh mới nhóm lên là ở xứ lạnh, xem ra giá tiền công người làm thường-thường là cao, sự phân-phát của-cải trong xã-hội không đến nỗi chênh nhau lắm. Bởi thế nên ở Ấn-độ, Ai-cập, Mặc-tây-kha (*Mexique*), của-cải phân-phát đã không đều, chính-quyền phân-nhiệm cũng không cân. Như ở Ấn-độ kẻ làm công chỉ được đủ gạo ăn, mà gạo trong ngũ-cốc là thứ nhiều hơn nhất, rẻ hơn nhất, nghề cấy lúa một vốn bốn mươi lãi, thành ra đồ ăn nhiều quá và rẻ quá, khiến cho về thời-đại nào trong xã-hội cũng thấy chia ra hai hạng, hạng thượng - lưu thì cực-kỳ giàu-có quyền-thế, hạng hạ-lưu thì cực-kỳ khốn-khổ yếu-hèn. Ai-cập cũng vậy, thổ-địa thật tốt và khí-hậu thật nóng : người Ấn-độ dùng gạo làm gốc đồ ăn thời người Ai-cập dùng một thứ quả có nhiều chất bổ gọi là quả chà-là (*dattes*), phía bắc Phi-châu sản nhiều lắm. Thành ra thổ-địa càng tốt thời của-cải càng nhiều, đồ ăn càng lắm, dân-số càng đông, mà các hạng người trong xã-hội lại càng cách xa nhau lắm. Những đền-đài lăng-tẩm, to-lớn lạ thường, ngày nay còn trông thấy di-tích ở đất Ai-cập, đủ làm minh-chứng cho lẽ đó. Ví là tay những người có tư-cách tự-do,

được tiền công xứng-đáng, xây dựng ra, thời không của nào đủ làm được những công-trình vĩ-đại như thế ; nhưng các bọn thượng - lưu nước Ai-cập đời bấy giờ lãng-phí sinh - mệnh kẻ lao-động một cách rất dữ quá ; coi như đào một con sông vận-hà ra bể Hồng-hải mà chết mười vạn người Ai-cập thời biết vậy. Thuộc về mấy xứ *Pérou* (Bí-lỗ) và *Mexique* (Mặc-tây-kha), là những đất ở Mĩ-châu đã hơi có chút văn-minh trước khi người Âu-châu đến, tình-trạng xã-hội đại-khái cũng như thế : mấy xứ đó sản lúa bắp cũng nhiều như Ấn-độ sản gạo, Ai-cập sản chà-là vậy.

Ấy đại-khái khí-hậu, thổ-địa và đồ ăn ảnh-hưởng về sự văn-minh tiến-hóa của các dân-tộc như vậy.

Bấy nhiêu mối là thuộc về vật-lý và ảnh-hưởng về phần vật-chất, tức là về sự trử-tích và sự phân-phát các của-cải. Nay xét đến hình-tượng chung trong thế-gian, thời xem ảnh-hưởng về tinh-thần nhiều, tức là về sự phát-khởi và sự truyền-bá các tư-tưởng. Ở xứ nóng thời những sức mạnh thiên-nhiên của tạo-vật thường kích-động vào trí tưởng-tượng của người ta mà làm nhụt mất cái tài-trí khôn-ngoan đi, khiến cho người ta so-sánh mà biết thân mình đứng trong vũ-trụ hèn yếu là dường nào. Đến như những xứ khí-hậu ôn-hòa thời

các hình-tượng trong thế-gian không lấy gì làm to dữ cho lắm, người ta biết tin cậy ở tài-lực, ở trí khôn mình, ra công nghiên-cứu các hiện-tượng trước mắt, dần dần tìm phương thắng-đoạt được những sức mạnh thiên-nhiên của tao-vật và lợi-dụng để làm nên công việc cho mình. Những hình-tượng dữ-dội trong thế-gian thời kích-động trí tưởng-tượng, sinh ra lòng mê-tín, và làm thoái trí học-vấn : cứ xét lịch-sử các văn-minh ở về xứ nóng, thật cũng đủ chứng-nghiệm. Trong các văn-minh ở ngoài Âu-châu thời những hình-tượng trong thế-gian càng tăng trí tưởng-tượng của người ta lên bao nhiêu, lại càng giảm trí khôn-ngoan đi bấy nhiêu. Ở Âu-châu thì thật là khác hẳn : xét các hiện-tượng thiên-nhiên, hình như lại có ý muốn hạn-chế sự tưởng-tượng mà phát-đạt sự suy-nghĩ. Muốn chứng-minh điều đó, không gì bằng so-sánh các truyện thần-tiên của Ấn-độ với truyện thần-tiên của Hi-lạp (*Grèce*), một bên thì những thần quái-quái kỳ-kỳ, kinh-kinh hãi-hãi, thần với người cách xa nhau như trời với đất, một bên thời những thần tính-tình diện-mạo chẳng khác gì người, người với thần thân-cận nhau như cùng loài cùng giống. Trong các văn-minh xứ nóng, sự nguy-hiểm dễ sinh ra cái «quan-niệm về vô-cùng» (*idée de l'infini*) ; trong

các văn-minh Âu-châu, sự yên-ổn thời lại sinh ra cái «quan-niệm về hữu-hạn» (*idée du fini*). (1)

Ở Âu-châu, cái khuynh-hướng chung của người ta là lấy sức người mà thắng-đoạt tạo-vật; ngoài Âu-châu thời cái khuynh-hướng chung lại là đem mình phục-tòng tạo-vật. Bởi thế nên muốn nghiên-cứu các văn-minh ngoài Âu-châu thời đại-để phải xét ngoại-giới ảnh-hưởng vào người ta thế nào; muốn nghiên-cứu các văn-minh Âu-châu thời cốt nhất là phải xét người ta trước. Âu-châu sở-dĩ được khai-hóa hơn các châu khác là thứ nhất bởi tài-trí người ta xâm-lấn được cả các sức mạnh của các giống hữu-sinh vô-sinh trong thế-gian. Muốn hiểu rõ lẽ đó, không thiếu gì minh-chứng; tỉ như ở Á-châu, thương-nghiệp phát-đạt là nhờ có các đường sông tiện-lợi, các cửa bể giao-thông; ở Âu-châu thời là tự sức người mở-mang, công-nghệ biến-cải. Cái khuynh-hướng muốn hạn-chế các sức mạnh thiên-nhiên đã rõ-rệt cho đến nỗi hiện nay ở nhiều nước văn-minh Âu-châu dân các tỉnh-thành càng ngày càng nhiều hơn dân nhà quê, đủ

---

(1) Quan-niệm về sự vô-cùng là mơ-màng tưởng-vọng những điều xa-xôi quá, không thiết-thực đến việc đời; quan-niệm về sự hữu-hạn là chủ-ý về những sự thiết-cận cho đời người.

biết người ta đã thoát-li được cái vòng-khuôn của tạo-vật và chỉ chuyên-tâm chú-ý đến những việc trong vòng nhân-sự mà thôi. Nói tóm lại thì cái đặc-sắc của văn-minh Âu-châu là thế-lực của các phép-tắc thuộc về vật-lý ngày một sút kém mà thế-lực của các phép-tắc thuộc về thần-trí ngày một tăng lên (*ce qui caractérise la civilisation européenne, c'est l'influence décroissante des lois physiques et l'influence croissante des lois mentales*) ; nghĩa là người ta muốn thoát-li vòng nô-lệ của tạo-vật mà lấy tài-trí mình làm chúa-tể trong thế-gian vậy.

Vậy thời những phép-tắc chủ-trương mọi sự tiến-hóa thuộc về tinh-thần người ta là những phép-tắc gì? Mà trước nhất, sự tiến-hóa ấy thế nào? Sự tiến-hóa ấy có hai đường: một là đường đạo-đức, hai là đường trí-thức, một là thuộc về nghĩa-vụ làm người, hai là thuộc về trí-thức ở đời. Một dân-tộc kỹ-nghệ có tăng-tiến mà thói xấu lại thêm lên, hay là đạo-đức có hơn trước mà ngu-dốt lại thậm-tệ, thời dân-tộc ấy không gọi là có tiến-hóa được. Hai phần đạo-đức trí-thức cùng với văn-minh là một, không thể phân lìa ra được: nhưng trong hai phần ấy, phần nào là mạnh hơn? Vấn-đề này là trọng lắm, vì nếu sự văn-minh tiến-hóa thuộc về lòng đạo-đức nhiều

hơn là về trí thông-hiểu của người ta, thì phải lấy đạo-đức làm tiêu-chuẩn cho văn minh ; nếu trái lại thời lại phải lấy trí-thức làm tỉ-lệ. Nhưng dù là đạo-đức, dù là trí-thức, nói rằng văn-minh tiến-hóa không phải là văn-minh càng tiến thì những năng-lực tự-nhiên của người ta càng tinh-minh hoạt-bát hơn lên đâu: đứa con trẻ giống văn-minh với đứa con trẻ giống dã-man, lúc sơ-sinh không có khác gì nhau cả ; rồi sau khác là bởi sự ảnh-hưởng của xã-hội, sự cảm-hóa của tinh-thần, sự đào-tạo vô-hình về đường đạo-đức, đường trí-thức, khiến cho cách ăn-ở giống nào rõ ra giống ấy. Bấy nhiêu thứ tức là « hoàn-cảnh » (*le milieu, l'ambiance*) ở ngoài, mà cái hoàn-cảnh thời thay đổi luôn ; thành ra văn-minh không có nhất-định. Vả những nguyên-nhân làm thành ra văn-minh cũng mỗi lúc một khác. Nay xét những gương đạo-đức trong lịch-sử, đủ biết sự đạo-đức ít có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa văn-minh. Vì rằng những giường-mối lớn về luân-lý, tự cổ chí kim có thay đổi tí nào đâu ; phải thương-yêu kẻ đồng-loại mình, phải dung-thứ cho kẻ thù mình, phải làm điều lành, phải cầm bụng dục, ái-nhân khắc-kỷ, v.v., cổ-lai đạo-đức vẫn gồm lại có mấy điều đó, không thấy khác chút nào. Đến như về đường trí-thức thời mỗi ngày một phát-

minh ra lắm điều mới : khoa-học đời nay tấn-tới hơn khoa-học đời xưa biết bao nhiêu, các phương pháp để nghiên-cứu, để thí-nghiệm, tài hơn giỏi hơn xưa biết bao nhiêu. Vậy thời văn-minh đã là kết-quả của những nguyên-nhân thuộc về tinh-thần, về trí thức, và kết-quả ấy mỗi ngày một thay đổi luôn, thời không thể lấy đạo-đức là một sự thiên-niên bất-dịch mà chi-phối được ; trí-tuệ mới thật là cái đệ-nhất động-cơ của văn-minh vậy. Muốn chứng rõ lẽ đó, cứ xét-nghiệm ngay phàm sự phát-minh về đường trí-thức thường hay truyền nối đời nọ sang đời kia như cái hương-hỏa chung của loài người không bao giờ mất được, chứ như việc đạo-đức của mỗi người thời của ai riêng người ấy, không sao truyền-thụ sang người khác được ; việc đạo-đức phải tự mình làm, việc đạo-đức là việc riêng, dẫu người thật thành-tâm bác-ái, hết sức ra tay tế-độ cho kẻ khác, công-đức ấy cũng chỉ được nhất-thời, và cũng chỉ phổ cập được số ít người mà thôi. Không những thế mà thôi : xét ngay trong lịch-sử thường thấy nhiều người bụng-dạ rất tốt mà trí-thức tầm-thường ; những người ấy làm hại cho nhân-quần biết bao nhiêu mà kể ; như sự bách-hại người ta vì tôn-giáo (*persécutions religieuses*), thực là một cái tai-nạn rất lớn cho loài người, thường khi là

tự tay những bậc rất đạo-đức chủ-trương (như hai vua MARC AURÈLE, JULIEN [1] nước La-mã, bách-hại những người theo đạo Gia-tô); cái tai-nạn ấy nhờ trí-thức mở-mang mới thấy dần dần bớt đi.

Nói tóm lại, kẻ ác làm hại chỉ được một lúc; người thiện làm lành cũng chẳng bao lâu; cái gì mà lưu-tồn được mãi mãi, di-truyền đến vô-cùng, ấy là những sự phát-minh của các trang đại-trí; nước dù đổ, đạo dù tàn, những sự phát-minh ấy vẫn còn mãi, cái sau kế-tiếp cái trước, không hề gián-đoạn bao giờ: mọi sự đều khi chìm khi nổi, khi đổi khi thay, duy có trí-tuệ người ta là đời đời sáng tỏ, làm đuốc sáng để đưa nhân-loại trên con đường tiến-hóa văn-minh.

Hoặc có người nói rằng sự học-vấn không phải là cái động-cơ thứ nhất của văn-minh, và văn-minh tiến-hóa phần nhiều là nhờ ở tôn-giáo, ở văn-chương, ở chính-trị. Ý-kiến đó thiết-tưởng không đúng, xin phân-giải như sau này.

---

(1) MARC AURÈLE (121-181 sau Gia-tô), là một vị hiền-quân La-mã, trị dân có đức, lại ưa chuộng văn-học triết-học. Vậy mà theo thói đời bấy giờ cũng ra tay trị những người theo đạo Gia-tô, cho là đạo dị-đoan. — JULIÊN, vua La-mã, trị-vì từ năm 361 đến năm 363, cũng là một người hiền, nhưng trước theo đạo Gia-tô, sau phản-đối đạo, muốn khôi-phục lại thần-đạo Hi-lạp cổ, và bách-hại những người theo đạo Gia-tô, cho là đạo giả.

Trước nhất, cứ đan-cử một dân-tộc, tuần-tự tiến-hóa một mình, không có quan-hệ gì với dân khác, thời chắc là tôn-giáo, văn-học, chính-trị, ba mối ấy là kết-quả chứ không phải là nguyên-nhân của văn-minh. Nay một dân đã văn-minh rồi, không có khi nào tự mình theo một tôn-giáo hãy còn dã-man kém-cỏi, và một dân trí-tuệ chửa mở-mang, học-thức còn hẹp-hòi, thời dẫu tôn-giáo mình hủ-lậu cũng không tự biết mà cải-lương được. Dân còn ngu-dốt thì tiện-thị ưa những sự hoang-đường quái-đản, cho thần-thánh là có quyền muốn làm chi cũng được; dân đã khai-thông rồi thì tự-nhiên tín-ngưỡng những sự cao-thượng hơn. Cứ thực thì tôn-giáo của một dân-tộc nào, một thời-đại nào, là cái biểu-hiệu đặc-biệt của một thời-đại ấy, dân-tộc ấy. Như đạo Thiên-chúa là một đạo rất cao-thượng của các dân-tộc văn-minh Âu-châu, thế mà đem truyền-bá cho những dân còn mọi-rợ chửa khai-thông, thì bất-quá chỉ truyền được cái hình-thức lễ-bái bề ngoài, mà cái tinh-thần tín-ngưỡng ở trong thì không sao truyền được, vì những dân ấy không thể nào hiểu được những lý-tưởng từ-bi bác-ái rất cao-thâm của đạo Thiên-chúa. Muốn lấy tôn-giáo mà khai-hóa cho các dân ấy, thì trước nhất phải mở-mang tri-thức, luyện-tập cho biết suy-nghĩ đã;

như vậy thời tôn-giáo là kết-quả, không phải là nguyên-nhân sự tiến-hóa vậy. Xét trong lịch-sử, xa xa mới thấy một đôi người siêu-quần bạt-chúng, thường là những nhà đại-tư-tưởng xuất-hiện ra làm tiên-phong cho nhân-loại mà xướng lên một nền tôn-giáo hay nền triết-học mới; nếu tư-tưởng của các nhà ấy siêu-việt quá, người đương-thời chưa đủ hiểu, thời phải đợi cho bao giờ dân-trí đến trình-độ khai-thông bấy giờ đem truyền-bá ra mới có người tiếp-thụ được. Như lý-thuyết thờ một ông thần gọi là Thiên-chúa phát-minh ra ở đất Do thái (*Judée*) đã lâu mà phải chờ đến mấy thế-kỷ mới dựng thành tôn-giáo. Hồi đầu tuy đặt luật rất nghiêm, hình rất nặng, mà trong dân-gian vẫn mê-tin quỉ-thần; đến sau dân-trí dần dần mở-mang mới biết bỏ sự lễ-bái quỉ thần mà theo tôn-giáo độc-thần. Lại khi đạo Thiên-chúa mới truyền sang dân La-mã và các rợ Bắc-Man, thời sự mê-tín trong dân-gian cũng không giảm đi chút nào, chỉ thay hình đổi dạng mà làm biến-tính mất tôn-giáo mới đi, như trước thờ quỉ-thần, nay thờ các thánh vậy. Đại-để, khi một dân-tộc nào theo một tôn-giáo cao hơn trình-độ mình, thì tôn-giáo ấy không được hoàn-toàn phát-đạt mà dân-tộc ấy cũng không được tận-hưởng lợi-ích.

Thuộc về văn-chương, lẽ cũng như vậy. Văn-

chương là cái hình-thức để ghi-chép sự phổ-thông-tri-thức trong một dân ; nhưng khi nào có những nhà đại-tư-tưởng dùng văn-chương mà truyền-bá ra những ý-kiến cao hơn trình-độ người đương-thời, thì những nhà ấy tuyệt-nhiên không có ảnh-hưởng gì với người đời, hoặc có khi lại bị người đời phản-đối, công-kích nữa. Nếu hạng tri-thức với hạng người khác trong xã-hội cách xa nhau quá, thời hạng trên không có ảnh-hưởng gì đến hạng dưới và hạng dưới cũng không được ích-lợi gì vì hạng trên. Tức như Hi-lạp La-mã ngày xưa, bọn hạ-lưu thì ngu-si dốt-nát, mê-tin những chuyện quỉ-thần, mà bọn thượng-lưu thì thông-minh sáng-suốt quá, sáng-nghĩ ra những triết-lý rất cao-thâm ; hai hạng cách xa nhau như trời vực. Bởi thế cho nên hai nước ấy không văn-minh được lâu bền. Sách-vở chẳng qua là cái kho chứa những của báu của tri-tuệ : nếu trình-độ trong dân chưa đến nơi thời không văn-chương nào làm cho mau tiến-hóa được.

Lại có người nói rằng các nước Âu-châu sở-dĩ được văn-minh là bởi chính-phủ biết trị dân được khôn-khéo. Song cứ xét qua cũng đủ biết rằng phàm người đương-đạo, kẻ cầm quyền trong một xứ, những lúc thái-bình vô-sự, mấy khi là có người siêu-việt ra ngoài thế-tục. Những người ấy cũng là sản-nhi của thời-thế,

không phải là sáng-tạo ra thời-thế, sự-nghiệp của họ chẳng qua là kết-quả của sự văn-minh tiến-hóa chung, không thể làm nguyên-nhân cho sự tiến-hóa ấy được. Phàm sự cải-cách lớn trong xã-hội, không bao giờ, không thấy đâu là tự tay những người cai-trị dân xướng-suất ra, kẻ đề-xướng ra trước bao giờ cũng là những nhà tư-tưởng thâm-trầm, trông thấy điều lưu-tệ, đại-thanh tật-hô cho ai nấy đều biết, rồi bày phương đặt kế để cách-tệ cải-tân. Dư-luận đã cảnh-tỉnh, thường thường các chánh-phủ còn chống cưỡng mãi, cho kỳ đến lúc không thể cưỡng được nữa mới chịu theo phong-trào mà cải-cách vậy. Cứ thực mà nói thì phàm các chính-phủ can-thiệp vào việc gì là có hại nhiều hơn là có lợi cho sự văn-minh tiến-hóa, mà cái hại ấy lắm khi to cho đến nỗi làm trở-ngại cả cuộc tiến-hóa. Chức-vụ của các chính-phủ thứ nhất là giữ cho cuộc trị-an trong xã-hội, ngăn-cấm kẻ mạnh bắt nạt người yếu, ban-bố sự phổ-thông-giáo-dục, giữ-gìn cho việc vệ-sinh chung ; chẳng qua là dự-bị cho sự tiến-hóa, không phải là làm cho tiến-hóa mau lên được ; chính sự tiến-hóa là bởi nhiều các nguyên-nhân khác vậy.

Nói tóm lại thì tôn-giáo, pháp-chính, văn-chương, tuy cũng có biến-hóa được người ta mà lại bị người ta biến-hóa nhiều hơn ; cũng

là những động-lực của văn-minh, nhưng mà sức mạnh không có mấy, và cũng tùy tình-trạng các xã-hội mà sự lợi-ích cho đường tiến-hóa không nhất-định vậy.

Văn-minh tiến-hóa chỉ là bởi trí-thức khai-thông và tiến-hóa ít hay nhiều lại là bởi cái số những điều chân-lý mà trí-tuệ người ta phát-minh ra được nhiều hay ít, và cái phạm-vi ban-bố ra ngoài rộng hay hẹp vậy. Đại-để cái tổng-số những công việc của người ta ở đời là theo về chính-tỉ-lệ [1] với cái tổng-số những sự tri-thức của người ta, nghĩa là người có biết nhiều mới làm được nhiều. Văn-minh chẳng qua là trử-tích lấy nhiều điều tri-thức, rồi ban-bố ra cho rộng; phải gồm cả hai phương-diện đó, mới gọi được là hoàn-toàn ; dân nào còn khuyết một bề trong hai bề ấy, chưa gọi được là văn-minh mô-phạm vậy. Như ở nước Mĩ thời tổng-số tri-thức ít mà ban-bố được ra khắp các hạng người trong xã-hội ; ở nước Đức thì tổng-số tri-thức nhiều mà chỉ khu trong một hạng

---

(1) Chính-tỉ-lệ là theo đường thẳng mà so-sánh, đàng nọ hơn đàng kia cũng hơn, đàng nọ kém đàng kia cũng kém ; trái với phản-tỉ-lệ, là so-sánh ngược lại, đàng nọ hơn thì đàng kia kém, đàng nọ kém thì đàng kia hơn.

người mà thôi. Bởi thế nên văn-minh hai nước ấy hẫy còn khuyết-điểm, chưa được là hoàn-toàn vậy.

* * *

Trở lên là giải nghĩa văn-minh và xét sự văn-minh tiến-hóa ra làm sao. Các độc-giả đọc kỹ thời biết rằng phàm văn-minh là bởi tài-trí người ta gây dựng ra. Người ta khôn lắm, biết nhiều, tự-khắc tìm cách tô-điểm cho sự sinh-hoạt của mình được văn-vẻ tốt-đẹp ; thế gọi là văn-minh. Nhưng sự văn-vẻ tốt-đẹp ấy là bề ngoài, là cái áo mặc rực-rỡ của văn-minh mà thôi, không phải thật là văn-minh. Văn-minh là ở tự trong óc người ta, óc có mở-mang sáng-suốt mới thật là văn-minh. Nếu óc còn mờ-tối bí-tắc mà bề ngoài đã rực rỡ vẻ-vang, thời đó là văn-minh giả vậy.

Đương lúc quốc-dân mơ-màng sự văn-minh, nhiều người hiểu lầm hai chữ văn-minh, lấy văn-minh giả làm văn-minh thật, lấy hình-thức làm tinh-thần, lấy cái áo sặc-sỡ ở ngoài thay cho cái óc tinh-túy ở trong : ngộ-nhận như thế thật là hại cho sự văn-minh tiến-hóa trong nước vậy. Phàm những hàng thượng-lưu-xã-hội, có cái trách hướng-đạo cho đồng-nhân, rất không nên hiểu lầm như thế. Phải biết rằng văn-minh cốt là ở trí-thức, như trên kia đã giải rõ.

Nếu trí-thức chưa khai-thông thời dẫu đạo-đức rất cao-thâm cũng không đủ làm cho quốc-dân tiến-hóa được. Muốn cho trí-thức được khai-thông thời phải làm thế nào? Phải học cho rộng, biết cho nhiều, có học có biết mới làm nên, không những đời nay là đời sự đua tranh bằng trí khôn rất kịch-liệt, mà từ xưa đến nay phàm văn-minh tiến-hóa cũng là nhờ ở trí khôn, nhờ ở học-thức cả. Không học, không khôn, không theo kịp thời-thế, thời dẫu đạo-đức như thánh-hiền đời xưa cũng đến bị đào-thải trong trường thiên-diễn; huống nữa là người thường!

TÍNH-CÁCH VĂN-MINH ĐỜI NAY

Văn-minh đời nay khác các thời-đại trước bởi mấy cái tính-cách đặc-biệt như sau : thứ nhất là có tiến-bộ về đường khoa-học; thứ nhì là có tiến-bộ về nghĩa dân-chủ; thứ ba là có tiến-bộ về đường kinh-tế ; thứ tư là có tiến-bộ về nghĩa quốc-tế.

Tiến-bộ về đường khoa-học

Về đời Trung-cổ, cái chuyên-chế-tinh-thần mạnh quá, có ngăn-trở cho các khoa-học không tấn-tới được. Quyền giáo-dục bấy giờ là thuộc về Giáo-hội cả, không những là những kẻ muốn cải-cách tôn-giáo bị Giáo-hội không dung, mà những kẻ muốn sáng-kiến về triết-học, về khoa-học cũng bị Giáo-hội nghi-kỵ.

Quyền chuyên-chế Giáo-hội đã mạnh như thế, lại còn quyền chuyên-chế của phái cựu-

nho nữa. Phái này thờ ông ARISTOTE [1] làm tiên-sư. ARISTOTE là một nhà cổ-triết Hi-lạp, tư-tưởng rất rộng-rãi khoan-dung, thế mà đời Trung-cổ suy-tôn ông quá, mượn tên ông để áp-chế sự tự-do tư-tưởng của người đời, nghĩ cũng lạ thay! Các học-giả đời bấy giờ hiểu lầm cái triết-học của ông, nhân đó lập ra một cái học-thuyết độc-tôn, xưng là học-thuyết chính-truyền, hết-thảy công-nhận, người nào không theo không được. Thành ra nhà tư-tưởng tự-do đã bị Giáo-hội bó-buộc, lại bị phái cựu-nho hạn-chế, không dám sáng-nghĩ, không dám truyền-bá ra điều gì cả. Cho nên suốt trong thời-đại Trung-cổ, không có mấy người dám đứng lên xướng cải-cách về các khoa-học triết-lý cùng các khoa-học thiên-nhiên.

---

(1) ARISTOTE (Tàu dịch là A-lý-sĩ-đa-đức), là một nhà đại-triết-học Hi-lạp (384-322 trước Gia-tô). Ông tập đại-thành cả các khoa-học triết-lý và khoa-học thiên-nhiên về đời bấy giờ, gồm lại lập thành ra một nền triết-học rất hoàn-toàn. Người đời đặt tên ông là «vua Triết-học» (*le prince des philosophes*), cho là tiêu-biểu cho cái triết-lý-tinh-thần. Học-phái của ông gọi là «tiêu-dao học-phái» (*école péripatéticienne*), vì ông thường cùng học trò vừa đi chơi vừa giảng học. Chính ông là học trò ông PLATON (Bá-lạp-đồ) và là thầy học vua ALEXANDRE (A-lịch-sơn).

Đến thế-kỷ thứ 16, khởi lên hai cuộc cách-mệnh: một cuộc cách-mệnh về tôn-giáo, gọi là « Tôn-giáo Cải-cách » (*la Réforme*), một cuộc cách-mệnh về học-thuật gọi là « Văn-nghệ Phục-hưng » (*la Renaissance*). Về tôn-giáo thời một phần Âu-châu không chịu phục quyền Giáo-hội nữa, và lập ra một đạo mới gọi là « Cơ-đốc Tân-giáo » (*protestantisme*); về học-thuật thời đem cái học-thuyết chân-chính của ARISTOTE để phá cái học-thuyết độc-tôn đã giả-danh ARISTOTE mà lập ra, lại khởi-phục những học-thuyết của các tiên-nho Hi-lạp, thứ nhất là PLATON. (1)

Người chủ-trương cuộc cách-mệnh về tôn-giáo là người Đức tên là MARTIN LUTHER (2);

---

(1) PLATON (Tàu dịch là Bá-lạp-đồ), là một nhà đại-triết-học Hi-lạp (427-347 trước Gia-tô), là học trò SOCRATE (Tô-cách-lạp-đề) và là thầy ARISTOTE. Triết-học của ông là thuộc tinh-thần-luận (*spiritualisme*), cho phàm hiện-tượng là ảo-tưởng cả, duy có lý-tưởng mới là thực-thể. Các lý-tưởng cũng có trật-tự, cao nhất là lý-tưởng tuyệt-đích chi-thiện, tức là « Thần » (*Dieu*). Cách lý-luận của ông thâm-trầm mầu-nhiệm, mà siêu-việt vô-cùng.

(2) LUTHER (Tàu dịch là Mã-đinh Lệ-đắc, 1493-1546), người Đức, vốn là giáo-sĩ tu-hành theo Cựu-giáo, sau phản-đối Giáo-hội, không công-nhận quyền Giáo-hoàng, lập ra phái đạo mới, chủ-trương sự tín-ngưỡng tự-do.

về triết-học thời trước kia chỉ biết có một ARISTOTE, đến bấy giờ lại suy-tôn PLATON hơn ; PLATON chính là chủ-trương cuộc cách-mệnh về triết-học vậy. Kế đến khoa-học, cũng khởi ra một cuộc cách-mệnh chẳng kém gì hai cuộc cách-mệnh trên, chủ-trương là một người Anh tên là BACON [1] xướng lên cái thuyết phàm khoa-học phải lấy quan-sát thực-nghiệm làm tôn-chỉ.

Trước kia, phàm học-vấn là chỉ tra sách cũ của người trước, dẫu xét về sự-vật thiên-nhiên cũng vậy ; từ bấy giờ mới biết trực-tiếp nghiên-cứu các hiện-tượng, hoặc bằng cách quan-sát, hoặc bằng cách thí-nghiệm.

Phái chuyên-chế đã bị thất-bại, lại càng thêm nghi-ky, đối với những nhà tư-tưởng tự-do, lại có ý kiểm-sát nghiêm-nhặt hơn

---

(1) BACON (Tàu dịch là Bồi-căn, 1561-1626), là nhà chính-trị kiêm triết-học nước Anh. Nhân thấy cách học-vấn đời ông phiền-toái quá, ông xướng ra một cái phương-pháp mới để nghiên-cứu về khoa-học, lấy sự thí-nghiệm và phép qui-nạp làm gốc, chứ không có bằng-không mà hư-thuyết nữa. Ông thật là một ông tổ khoa cách-trí đời nay.

nữa. Năm 1632 GALILÉE (1) nước Ý xướng ra cái thuyết địa-cầu quay chung quanh mặt trời, bị tòa-án tôn-giáo bắt tội, sau phải thề bỏ cái thuyết « dị-đoan » (!) ấy đi mới

---

(1) GALILÉE (1564-1642), là nhà số-học, lý-học, thiên-văn-học nước Ý. Chính ông là người xướng-suất ra lối học thực-nghiệm ở nước Ý. Nhân kinh-nghiệm về thiên-văn, ông biết rằng cái thuyết của COPERNIC (nhà thiên-văn nước Ba-lan, 1473-1543) cho địa-cầu quay chung-quanh mặt trời là đúng, ông bèn truyền-bá cái thuyết ấy ra. Giáo-hội ngăn cấm, cho là trái với sách thánh. Ông cũng phải chịu, nhưng ông làm sách nói rõ chứng cớ địa-cầu chính là quay chung quanh mặt trời, chứ không phải là trung-tâm vũ-trụ. Sách ấy đem ra tòa-án Giáo-hội xét, bấy giờ ông đã bảy-mươi tuổi, phải ra qui trước tòa-án mà thề xin bỏ thuyết ấy là thuyết dị-đoan, không thì phải tội thiêu sống. Nhưng thề-nguyện như thế rồi cũng không được tha, vẫn phải giam lỏng cho đến ngày chết. Khi chết thì mù mắt. Người Tây cho ông là một người hi-sinh vì khoa-học tự-do. Người ta nói rằng ông bất-đắc-dĩ phải thề-nguyện, nhưng ông vẫn tin cái thuyết của ông là đúng, khi ở tòa-án ra có nói một câu rằng : *Eppur si muove* ! (*Et pourtant elle tourne* !), nghĩa là : « Trái đất nó vẫn quay kia mà ! »

được tha. DESCARTES [1] nước Pháp cũng hiểu biết cái thuyết mới về vũ-trụ là phải, nhưng không dám công-nhiên tuyên-bố ra.

Tuy-nhiên bọn trí-thức bấy giờ đã có cái chí giải-phóng, phái chuyên-chế không đủ sức mà cầm giữ được nữa. Vả lại từ khi về tôn-giáo, về triết-học, có nhiều tôn nhiều phái, thời phái độc-tôn cũ cũng mỗi ngày một yếu thế đi. Các chính-phủ cũng không dung cho Giáo-hội thi quyền chuyên-chế đối với các học-giả ; lại ngay trong Giáo-hội, những bậc giáo-sĩ có trí thông-hiểu, có bụng rộng-rãi cũng không ưng theo cái kỷ-luật cũ nghiêm-khắc hẹp-hòi quá. Tuy những sự bách-hại về tôn-giáo vẫn còn thịnh-hành lắm, nhưng trong cõi học-thuật nhờ được cái tinh-thần tự-do mới đó các khoa-học về thế-kỷ thứ 17 và thế-kỷ thứ 18 đã bắt đầu

---

(1) DESCARTES (Tàu dịch là Địch-cáp-nhĩ, 1596-1650), nhà triết-học nước Pháp, kiêm số-học và lý-học. Soạn ra sách Phương-pháp-luận » (*Discours de la Méthode*), dạy về phép tư-tưởng suy-lý thế nào cho khám-phá được chân-lý. Tự ông, triết-học nước Pháp mới bắt đầu độc-lập, thoát-ly được hẳn những học-thuyết cổ của Hi-lạp La-mã. Ông lại là người trước nhất dùng tiếng Pháp để bàn về triết-lý. Trước ông các nhà triết-học toàn biện-luận bằng tiếng la-tinh cả.

phát-đạt. Lối văn-minh mới cứ tuần-tự tiến-bộ thời sớm trưa sự giải-phóng về đường tinh-thần, đường chính-trị, rồi cũng được hoàn-toàn. Kế nổi lên cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp, sự giải-phóng ấy lại càng gấp mau lên nữa.

Đến thế-kỷ thứ 19 thời được toàn-hưởng tự-do về khắp các phương-diện : tôn-giáo, triết-học, khoa-học.

Chính khoa-học là cái nguyên-động-lực mạnh nhất đã biến-cải cả xã-hội đời nay. Nhân khoa-học phát-minh mà các đồ dụng-cụ cho người ta lao-động, tự cái lưỡi cày cho đến cái máy khâu, đều đổi mới hết cả. Tạo-vật có hai cái sức mạnh, từ xưa chưa ai biết đến, là hơi nước và điện-khí, khoa-học đã thu-phục được, thêm cho loài người hai cái năng-lực mới. Lại chăng giây thép khắp hoàn-cầu để truyền tư-tưởng đi mọi nơi, khác nào như đặt cho địa-cầu một bộ thần-kinh-hệ vậy. Trên đất dưới bể, nào xe, nào tầu, chạy thật mau chóng, khiến cho các giống người giao-thông với nhau mỗi ngày một phồn-thịnh. Lại chế ra những máy để bay trên trời, để thở dưới nước.

Máy chụp ảnh thời tức là bắt mặt trời làm tay thợ vẽ cho người ta. Các thứ máy điện thì làm cho đêm cũng sáng như ban

ngày. Khoa điện-khí-học từ FRANKLIN (1) đến EDISON (2), khoa sinh-lý-học từ BICHAT (3) đến

---

(1) FRANKLIN, là nhà chính-trị và trước-thuật Mĩ, sinh ở *Boston*, mất ở *Philadelphie* (1706-1790). Ông chính là người nghĩ chế ra cái ống thu-lôi (*paratonnerre*). Ông có làm một bộ sách phổ-thông lắm, đề là « Cái học của lão *Richard* » (*la Science du bonhomme Richard*), lại một bộ « Ký-ức-lục » (*Mémoires*) cũng có giá-trị. Thường nghiên-cứu về triết-học và luân-lý-học. Lại là một người có công to trong việc khôi-phục độc-lập cho nước Mĩ. Chính ông năm 1777 sang Pháp để thay mặt Dân-quốc Mĩ mới thành-lập thương-thuyết đồng-minh với Pháp-hoàng Louis thứ 16.

(2) EDISON, là nhà vật-lý-học nước Mĩ, sinh ở *Milan* (thuộc về bang *Ohio*) năm 1847. Một tay ông chế-tạo ra được nhiều thứ máy điện lắm, nhất là thứ đèn điện sáng trắng (*lampe à incandescence*) hiện đặt tên ông, thứ máy hoạt-ảnh (*Kinétoscope*). Lại năm 1878, ông chế ra cái máy lưu-thanh (*phonographe*) thứ nhất. Hiện ông còn sống.

(3) BICHAT, là nhà y-học trứ-danh nước Pháp, chuyên về hai khoa giải-phẫu-học và sinh-lý-học. Sinh ở *Thoirette* (hạt *Jura*) năm 1771, mất ở *Paris* năm 1802. Có làm một bộ sách « Tổng giải-phẫu-học » (*Anatomie générale*). Ông đổi mới hẳn khoa giải-phẫu mà đặt ra một khoa-học mới chuyên-trị về các tấm thịt tấm xương (*tissus*, Tàu dịch là tấm *võng* 膜), tức là khoa « võng-học» 膜學 hay là « tổ-chức-học » 組織學 (*histologie*)

PASTEUR [1] tấn-tới nhiều hơn là từ các nhà bác-học cổ Hi-lạp cho mãi đến FRANKLIN và BICHAT, nghĩa là trong có không đầy một thế-kỷ khoa-học đời nay tiến-bộ hơn là trong hai-mươi-ba thế-kỷ từ trước đến bấy giờ. Khoa-học đã làm cho kỳ-hạn trung-bình của đời người được dài thêm ra, làm cho cái sức động-tác của người ta gấp thêm lên trăm nghìn phần. Những cái mà người đời xưa cho là kỳ-kỳ quái-quái, thuật quỉ phép tiên mới làm ra được, người đời nay coi là sự thường hằng ngày ; những sự-vật thiên-nhiên, khoa-học cũng biến-hóa mà làm ra được lạ-lùng, không kém gì chuyện thần-tiên đời trước.

Bấy nhiêu sự phát-minh của khoa-học đó, đã biến-đổi hẳn cách sinh-hoạt của người ta, đến gây thành ra một xã-hội mới. Xã-hội trước

---

(1) PASTEUR, là nhà sinh-vật-học nước Pháp, sinh ở *Dôle* năm 1822, mất ở *Villeneuve-l'Etang* năm 1895. Ông nghiên-cứu về phép kết-tinh (*cristallisation*), về phép mọc men mọc mốc (*fermentation*), về các bệnh giống tằm, về bệnh chó dại, và đại-để các bệnh truyền-nhiễm. Nhân sự nghiên-cứu của ông mà nghề chữa bệnh đổi mới hẳn, phát-minh ra cách truyền-nhiễm và phép phòng-bị, cách phòng-hủ (*asepsie*) và cách trị-trùng (*antisepsie*). Người Tây cho ông là người có công to với nhân-loại, vì đã giúp cho chữa được nhiều bệnh, cứu-khổ cứu-nạn cho loài người.

đã sinh-sản ra những người như MIRABEAU (1), ROBESPIERRE (2), khác với xã-hội cổ-thời đã sinh-sản ra những người như SAINT-BERNARD (3),

---

(1) MIRABEAU (1749-1791), là một tay hùng-biện nước Pháp về đời Đại-Cách-mệnh. Ông vốn giòng quí-tộc, nhưng về bè với dân-đảng, được cử ra Tổng Hội-nghị (*Etats généraux*) làm đại-biểu cho đệ-tam-cấp (*tiers état*), tức là hạng thứ-dân. Ông có tài biện-thuyết giỏi lắm, đã giúp cho cuộc Cách-mệnh được thành-công. Một hôm Hội Lập-pháp đương họp, nhà vua sai hầu-tước DREUX-BRÉZÉ đến bắt phải giải-tán, ông mắng hầu-tước rằng: «Anh về anh bảo chủ anh rằng chúng tôi ở đây là dân công-cử chúng tôi ra đây, dem lính lại đây mà đuổi rồi sẽ đi.» Ông là người có tài, nhưng phẩm-hạnh không được bằng tài-năng.

(2) ROBESPIERRE (1758-1794), là một người chủ-trương cuộc Cách-mệnh nước Pháp năm 1789. Nguyên ông là đại-biểu đệ-tam-cấp ở Tổng Hội-nghị, khi phá được phái quân-chủ rồi, ông đoạt hết cả các đảng khác mà chuyên-quyền chính-trị, đứng đầu một hội-đồng gọi là Hội-đồng Cứu-quốc (*Comité du Salut public*). Ông dùng cách tàn-bạo, làm cho người ta khủng-khiếp phải theo, ai phản-đối thì giết hết. Ngày 27 tháng 7 năm 1794, có đảng khác nổi lên, làm tội ông phải lên đoạn-đầu-đài.

(3) SAINT BERNARD (1091-1153), là một tay đại-biểu trứ-danh của đạo Thiên-chúa ở nước Pháp về đời Trung-cổ. Làm nhiều sách về thần-học, lại lập ra các giòng tu. Chính ông cổ-động trận Thập-tự thứ 2. Năm 1173, ông được «hiển thánh», nghĩa là được trong Giáo-hội thờ vào bậc thánh.

Saint Louis [1] bao nhiêu, thì xã-hội mới này cũng khác với xã-hội trước bấy nhiêu.

Nước Pháp ngày nay không những tình-trạng không giống với nước Pháp ngay trước hồi Đại-Cách-mệnh năm 1789, mà cũng không giống với nước Pháp ngay sau cuộc Đại-Cách-mệnh ấy nữa. Khoa-học biến-cải tình-trạng xã-hội cũng mạnh bằng chủ-nghĩa cách-mệnh năm 1789 biến-cải về chính-trị. Những sự phát-minh chế-tạo của các nhà bác-học ở trong phòng thí-nghiệm cũng điên-đảo cả thế-giới chẳng kém gì những chính-lệnh cùng luật-pháp phát-hành ra ở các hội-nghị cách-mệnh đời trước. Vả khoa-học với chính-trị vốn không phải là không có mật-thiết-quan-hệ với nhau : nhờ có cuộc Cách-mệnh phá đổ quyền chuyên-chế, khoa-học mới được tự-do phát-đạt ; nhưng cũng nhờ khoa-học tấn-tới mà những sự cải-cách về chính-trị và về xã-hội tự năm 1789 mới củng-cố và hoàn-toàn được. Công-nghiệp của các nhà cách-mệnh mà giữ bền được, không đến bại-hoại, là vì đồng-thời với cuộc cách-mệnh về chính-trị

---

(1) Saint Louis (1215-1270), vua nước Pháp, có tiếng là sùng-đạo lắm. Pháp-sử cho là một bậc anh-quân về đời Trung-cổ. Chính vua chủ-trương trận Thập-tự cuối cùng. Năm 1297, được « hiển thánh ».

và về xã-hội lại có một cuộc cách-mệnh về khoa-học và về kinh-tế nữa : chính-trị thay đổi đã đành, nhưng nếu cách sinh-hoạt của người ta không thay đổi, thì sự cải-cách về chính-trị cũng không bền vậy.

Tiến-bộ về nghĩa dân-chủ

Đời thượng-cổ là đời đảng quí-tộc và đảng tăng-lữ chuyên-quyền ; đến đời cận-cổ thời quyền chuyên-chế vào tay các nhà vua ; cuộc Đại-Cách-mệnh mới chuyển quyền chúa-tể trong nước vào tay cả bàn-dân. Sau khi cách-mệnh thành-công, được mấy năm (từ 1793 đến 1795) bọn DANTON [1] và ROBESPIERRE cầm quyền thời quyền chính-trị thật là ở trong hạng bình-dân. Nhưng mà không thể bền được, vì dân-chúng vô-học, lại hay sốc-

---

(1) DANTON (1759-1794), là nhà chính-trị trứ-danh nước Pháp về đời Cách-mệnh. Ông cũng có chân Hội-đồng Cứu-quốc cùng với ROBESPIERRE, nhưng có ý ôn-hòa hơn, nên bị ROBESPIERRE nghi-kỵ. Sau bị ROBESPIERRE kết án xử-tử, phải lên đoạn-đầu-đài. Có người khuyên nên trốn đi ngoại-quốc, ông nói rằng : « Tổ-quốc có thể buộc vào gót giầy mà mang đi được không ? » Khi sắp ngửa cổ ra chém, ông bảo tên hành-tội rằng : « Anh giơ đầu tôi ra cho thiên-hạ xem nhé ! Đầu tôi tưởng cũng đáng cho công-chúng biết ! » — Pháp-sử cho ông là tay lỗi-lạc nhất trong những người chủ-trương cuộc Cách-mệnh đời bấy giờ.

nổi, việc chính-trị, việc kinh-tế không tường, không sao thi-hành cái quyền chúa-tể cho đích-đáng được. Như đặt ra tòa án cách-mệnh để làm tội những người không theo với mình, đặt ra luật hiềm-nghi để bắt-bớ những người ngờ là phản-đối, dùng những cái chính-sách tàn-bạo để làm cho mọi người khiếp sợ mà phải theo, toàn là những cái kế-hoạch bạo-động, không phải là cách chính-trị trường-cửu vậy. Cho nên qua hồi đầu hỗn-độn đó, rồi các chính-phủ kế-tiếp sau ở nước Pháp không căn-cứ ở hạng bình-dân nữa, mà căn-cứ ở các giai-cấp khác trong xã-hội : như Đệ-nhất-thứ Đế-chính (*le premier Empire*), là chính-phủ vua Nã-phá-luân đệ-nhất (NAPOLÉON I), thời tựa vào bọn quân-phiệt ; chính-phủ « Quân-chủ phục-quyền » (RESTAURATION), là chính-phủ vua LOUIS thứ 18 và CHARLES thứ 10, khôi-phục lại ngôi vua họ *Bourbons*, từ năm 1814 đến 1830, thời tựa vào bọn điền-chủ lớn ; chính-phủ « Quân-chủ tháng bảy » (*Monarchie de Juillet*), là chính-phủ vua LOUIS-PHILIPPE thuộc về giòng thứ họ *Bourbons*, thời tựa vào bọn chủ công-nghệ và bọn buôn-bán lớn. Kịp đến cuộc Cách-mệnh năm 1848 thời chính-quyền lại về tay hạng bình-dân, nhưng mà hồi bấy giờ bọn thợ thời bạo-động quá, mà bọn dân

quê thời hẫy còn ngu-dốt, quyền chúa-tể chẳng bao lâu lại sang tay một ông vua chuyên-chế nữa, tức là Nã-phá-luân thứ 3, tức là Đệ-nhị-thứ Đế-chính (*le second Empire*), dường như dân hẫy còn non nớt, chưa đủ thi-hành được chính dân-chủ cùng quyền đầu-phiếu vậy. Đệ-nhị-thứ Đế-chính đến trận năm 1870 thất-bại thời bị khuynh-đảo hẳn, tự bấy đến nay nước Pháp mới thật là theo về chính-thể dân-chủ. (1)

---

(1) Nhân đây tưởng nên kể qua cả các Chính-phủ đã kế-tiếp nhau ở nước Pháp từ cuộc Đại-Cách-mệnh năm 1789, nghĩa là từ khi khởi ra cái phong-trào dân-chủ cho đến giờ:

Chính-phủ « Lập-hiến » (*La Constituante*), 1789-1790;
Chính-phủ « Lập-pháp » (*La Législative*), 1791-1792;
Chính-phủ « Cứu-quốc » (*La Convention*, nhất-danh là *Comité du Salut public*), 1792-1794;
Chính-phủ « Đốc-chính » (*Le Directoire*), 1794-1799.
Chính-phủ « Nhiếp-chính » (*Le Consulat*), 1799-1804.
Đệ-nhất-thứ Đế-chính (*Le Premier Empire*), 1804-1814.
Chính-phủ « Quân-chủ phục-quyền » (*La Restauration*), 1814-1830.
Chính-phủ « Quân-chủ tháng bảy » (*La Monarchie de Juillet*), 1830-1847.
Đệ-nhị-thứ Cộng-hòa (*La seconde République*), 1848-1851.
(Đệ-nhất-thứ Cộng-hòa là gồm cả các chính-phủ kế-tiếp nhau tự 1789 đến 1804).
Đệ-nhị-thứ Đế-chính (*Le Second Empire*), 1851-1871.
Đệ-tam-thứ Cộng-hòa (*La Troisième République*), từ 1871 đến ngày nay.

Chủ-nghĩa dân-chủ xướng lên tự cuối thế-kỷ thứ 18, qua bao nhiêu nông-nỗi khó-khăn, đến cuối thế-kỷ thứ 19 mới là thắng hẳn, nghĩa là trước sau phải một trăm năm bây giờ mới thực là vững bền. Nước Pháp bây giờ là một nước dân-chủ cộng-hòa, nghĩa là dân tự cai-trị lấy mình, theo thể-thức như sau này : nhất-ban quốc-dân được quyền bầu-cử thượng hạ Nghị-viện ; nghị-viên bàu quan Giám-quốc và các quốc-vụ tổng-trưởng, vì các quốc-vụ tổng-trưởng tuy là quan Giám-quốc cử ra, nhưng thực là các nghị-viên cử, quan Giám-quốc phải theo Nghị-viện.

Như vậy thời phàm người dân có quyền bầu-cử là có quyền tham-dự việc quốc-chính, hoặc là trực-tiếp, hoặc là gián-tiếp, cho nên người nào khi bỏ vé bầu-cử không cẩn-thận, hay là có quyền bầu-cử mà tự phóng-khí đi, là người ấy có trách-nhiệm về việc nước, hễ việc nước hư-hỏng là lỗi ở mình một phần vậy. Phàm chính-thể dân-chủ thời dân thế nào chính-phủ thế ấy, chính-phủ hay hay dở là tự dân, không còn trách ai được nữa.

Phàm nước nào chủ-quyền ở nhất-ban quốc-dân, hết-thảy người dân trong nước đều có nghĩa-vụ trách-nhiệm như nhau cả, thì gọi là nước dân-chủ (*démocratie*), nghĩa là tự dân cai-trị lấy dân.

Trong một nước dân-chủ, hạng đông người nhất là hạng có thế-lực nhất ; vậy thời pháp-luật trong nước đặt ra tất là phải giúp cho quyền-lợi hạng đó hơn cả.

Thí dụ như muốn tổ-chức quân-đội thời luật-pháp sẽ đặt thế nào cho cái trách-nhiệm binh-dịch chia ra đều nhau cả, không có để cho người nhà quê, người làm thợ phải chịu nặng hơn là nhà qui-tộc hay nhà phú-hộ. Chỉ có chính-thể dân-chủ hoàn-toàn mới có thể làm thế được. Những chính-thể dân-chủ mà có hạn-chế, như Chính-phủ « Quân-chủ phục-quyền » (*Restauration*) hay Chính-phủ « Quân-chủ tháng bảy » (*Monarchie de Juillet*) ở nước Pháp, hay cũng có đặt Nghị-viện cho dân tham-dự việc nước nhưng không được toàn-quyền nghị-định, thời luật binh-dịch đại-khái như luật năm 1818, năm 1832, cho phép nhà giàu có thể chuộc tiền khỏi phải đi lính. Đến Chính-phủ Cộng-hòa nước Pháp ngày nay, mới là hoàn-toàn dân-chủ, nên mới có những luật binh-dịch năm 1872, 1889, bắt hết thảy dân trong nước đều phải đi lính cả, trách-nhiệm binh-dịch đối với mọi người là quân-bình hết cả, không có kẻ nặng người nhẹ, cũng không thể lấy tiền mà chuộc được.

Lại như việc học. Một Chính-phủ dân-chủ có hạn-chế, đặt luật-lệ về tiểu-học, chắc là

không đặt lệ « cưỡng-bách giáo-dục », nghĩa là bắt hết thảy người dân ai cũng phải đi học, cùng lệ « miễn-phí giáo-dục », nghĩa là đi học không mất tiền. Một Chính-phủ dân-chủ hoàn-toàn, thời lại tất phải lấy hai cái lệ đó làm gốc cho sự phổ-thông-giáo-dục trong dân-gian, vì rằng phàm người dân ai cũng có quyền bầu-cử, vậy thì ai cũng phải đi học cho biết chữ để thi-hành cái quyền ấy cho chánh-đáng, nghĩa là phải có lệ cưỡng-bách; lại đã bắt ai cũng phải đi học thì tất phải ban-bố sự học thế nào cho kẻ giàu người nghèo đều có thể hưởng được cả, nghĩa là phải có lệ miễn-phí cho người ta.

Lại về đường kinh-tế. Một chính-phủ dân-chủ có hạn-chế thời về đường kinh-tế tất là khuynh-hướng về cái chính-sách « bảo-hộ mậu-dịch », nghĩa là đặt luật-lệ để bênh giữ riêng lợi-quyền cho một hạng công-thương có thế-lực. Như chính-phủ « Quân-chủ phục-quyền » nước Pháp, đặt ra luật ngũ-cốc để bênh giữ lợi-quyền cho bọn điền-chủ lớn, luật này đối với phần đa-số trong nước là phần không có quyền bầu-cử thời lại thiệt-hại, vì làm cho giá lúa và giá bánh mì tăng lên. Chính-phủ « Quân-chủ tháng bảy » thời lại có ý bênh-vực cho các chủ công-nghệ lớn, bèn đặt luật đánh thuế nặng

những đồ chế-tạo ở ngoại-quốc đem vào, luật này đối với phần đa-số trong nước cũng có thiệt-hại, vì dân-gian phải cần dùng đến những đồ dệt, đồ sắt, cùng nhiều thứ đồ khác của ngoại-quốc, mà các đồ ấy nhân thuế thương-chính nặng phải tăng giá cao lên. Đến các chính-phủ dân-chủ hoàn-toàn thời về đường kinh-tế tất phải chăm-chút đến sự lợi-ích kẻ tiêu-dùng là phần số nhiều trong nước, nên phải thi-hành cái chính-sách « tự-do mậu-dịch », chỉ lấy sự lợi-ích của dân nhà quê và kẻ thợ-thuyền làm giới-hạn mà thôi.

Như vậy thời phàm pháp-luật của chính-phủ dân-chủ ban-bố ra, đều là suy-diễn tự cái tôn-chỉ của chính-thể ấy mà ra : chính-phủ đã ở ý-nguyện chung của phần nhiều người đặt ra, thời trách-nhiệm của chính-phủ tất là phải bênh-vực cho lợi-quyền của phần nhiều người. Nhưng muốn bênh-vực lợi-quyền thời phải biết rõ lợi-quyền ở đâu. Bênh-vực lợi-quyền cho công-chúng không phải là a-dua theo những cái thị-dục cùng những điều thiên-kiến của công-chúng đâu. Có khi muốn suy-diễn cái chủ-nghĩa bình-đẳng đến cực-đoan mà thành ra tổn-hại đến lợi-quyền của công-chúng cũng có.

Thế-lực của chủ-nghĩa dân-chủ ngày nay mạnh cho đến nỗi không những ảnh-hưởng đến

pháp-luật mà thôi, lại ảnh-hưởng đến cả mọi sự hoạt-động về thần-trí nữa. Văn-học mĩ-thuật cũng là không ra ngoài sự ảnh-hưởng đó. Từ khi kẻ bình-dân cũng biết đọc sách thời hàng nghìn quyển sách, hàng trăm tờ báo xuất-bản ra để cống-hiến cho công-chúng. Trong khi về chính-trị, về xã-hội phát-khởi ra chủ-nghĩa dân-chủ, thời về văn-học, về mĩ-thuật cũng phát-khởi ra chủ-nghĩa lãng mạn : lối cổ-kịch chỉ tả những truyện anh-hùng hào-kiệt, dần dần suy đi mà kế đến lối tân-kịch tả về khắp các hạng người trong xã-hội ; thể tiểu-thuyết cũng thành phổ-thông ra, và chuyên tả về tình-trạng phong-tục trong dân-gian, hoặc tuyên-truyền những chủ-nghĩa có ích-lợi chung cho xã-hội.

Về mĩ-thuật thời như lối họa của DELACROIX [1], có vẻ sinh-hoạt là dường nào, mầu-

---

(1) DELACROIX (1799-1863), là một nhà danh-họa nước Pháp, cải-cách hẳn lối cổ-họa và chủ-trương cái chủ-nghĩa lãng-mạn về họa-học, vẽ lấy trước-sắc cho rực-rỡ làm đẹp. Chính ông vẽ bức trần điện *Apollon* ở nhà bảo-tàng *Le Louvre*, các bức tranh ở thư-viện Thượng-nghị-viện và Hạ-nghị-viện, ở điện Thái-hòa trong nhà Thị sảnh thành *Paris*. Ông cũng có tài văn-chương nữa, còn để lại một tập « Nhật-ký » (*Journal*) có giá-trị.

sắc đậm-đà biết bao nhiêu ; lại như lối vẽ của các tay danh-họa đời nay chọn lấy những chuyện thực mà tả và cách tả cũng cầu lấy cho giống sự thực, sánh với cái họa-học cổ-điển thời chắc là có ý phổ-thông hơn nhiều. Nghề điêu-khắc như bức chạm bài Quốc-ca (*La Marseillaise*) của RUDE [1] ở cửa Đại-Khải-hoàn thành *Paris*, thời sánh với các bức chạm những tích thần-tiên về thế-kỷ trước, chắc là dễ cảm công-chúng hơn nhiều. Nghề kiến-trúc cũng chuyển theo ra đường lối mới ; nhà kiến-trúc ngày nay không phải xây những lâu-đài cho vua chúa nữa, nhưng phải xây những nơi để hội - họp đông, thích-dụng cho sự cần-dùng của ông vua mới, là ông « dân-chủ », ông « vua dân », như những nhà thị-sảnh to, những nơi hội-nghị lớn, những đấu-mã-trường, diễn-kịch-trường, v, v..

Chủ-nghĩa bình-đẳng tự-do về chính-thể, tức là chủ-nghĩa dân-chủ, không phải chỉ phát-đạt ở một nước Pháp mà thôi. Cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp có ảnh-hưởng đến cả khắp các dân-tộc khác. Những nước còn theo

---

(1) RUDE (1784-1855) là một nhà điêu-khắc có tiếng nước Pháp, nét chạm li-kỳ và lực-lưỡng. Chính ông chạm các bức tường cửa Khải-hoàn *Paris* (*Arc de Triomphe*).

về chính-thể chuyên-chế cũng đã hết sức cưỡng chống lại, nhưng sau đều phải chịu hết. Nước Thụy-sĩ (*Suisse*) trước là gồm vô-số những nước cộng-hòa nhỏ theo về chính-thể qui-tộc (*républiques aristocratiques*), sau cũng thành một cuộc liên-bang theo về chính-thể dân-chủ hết. Các thuộc-địa cũ của Tây-ban-nha (*Espagne*), Bồ-đào-nha (*Portugal*) ở Nam-Mĩ cũng lập-thành nước dân-chủ cả. Những xứ bị Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*) áp-chế, đã thành quận-huyện của Thổ-đế-quốc, như *Grèce*, *Roumanie*, *Serbie*, *Bulgarie*, đều thoát-li được hết và trở thành nước độc-lập cả.

Nước Anh (*Angleterre*) tự khi đổi lại luật bầu-cử năm 1832, 1867, 1884, nước Ý (*Italie*), nước Tỉ (*Belgique*), nước Hà-lan (*Hollande*), nước Tây-ban-nha (*Espagne*), nước Thụy-điển (*Suède*), nước Na-uy (*Norvège*), tuy còn là nước quân-chủ, nhưng chỉ có tên quân-chủ mà thôi, chứ thực là theo chế-độ dân-chủ cả. Các nước ấy đều có Nghị-viện, đều có Nội-các có trách-nhiệm đối với Nghị-viện, nghĩa là dân tự-chủ cai-trị lấy cả. Tự cuộc đại-chiến-tranh năm 1914-1918, nước Đức (*Allemagne*) cũng đã đổi ra chính-thể dân-chủ. Các nước mới thành-lập tự sau khi chiến-tranh đến giờ, như Ba-lan (*Pologne*), Triết-

khắc (*Tchécoslovaquie*), v. v., đều theo về chính-thể dân-chủ hết. Ngày nay, trừ một số rất ít người giữ cái chủ-nghĩa quân-chủ, còn không ai nghĩ đến đặt ông vua đứng đầu một nước nữa. Đến hai cái lão-đại-đế-quốc trong thế-giới là nước Tàu và nước Thổ cũng phá được nền quân-chủ mà đổi ra dân-quốc tự khoảng trước sau năm 1912. Cho chí nước Nga xưa nay vẫn coi là cái thành-quách rất kiên-cố của phái quân-chủ, thế mà có trong khoảng mười năm tự chính-thể quân-chủ tuyệt-đối đổi ra chính-thể dân-chủ cực-đoan, mê-tin nghĩa tự-do bình-đẳng cho đến phá-hoại hết thảy mà suy-tôn bọn bình-dân lao-động lên bậc thánh-thần ! Ấy chủ-nghĩa dân-chủ ngày nay đã suy-diễn đến quá-độ như thế, khiến cho có người đã lấy làm lo, và có người cũng lấy làm chán vậy.

Nói riêng về Âu-châu là nơi đã phát-khởi ra cái lối văn-minh mới đời nay, rồi cả thế-giới dần dần phải theo hết, không theo cũng không được, thời các nước Âu-châu tuy nước nọ nước kia có khác nhau, nhưng thật là đại-đồng tiểu-dị, về đường chính-trị cũng là theo chân nối gót nhau, sớm trưa đều xoay về một lối hết cả. Trong các nước ấy thì nước Pháp có ý khác các nước một chút, vì có cái đặc-tính như sau này : là vừa là một

nước hợp-nhất, một nước dân-chủ và một nước cộng-hòa [1]. Tuy-nhiên chủ-nghĩa dân-chủ thì ở Âu-châu ngày nay đâu đâu cũng thịnh-hành cả. Nước Pháp có khởi-xướng ra trước, nhưng nay các nước đều đã theo kịp cả rồi.

Tiến-bộ về đường kinh-tế

Các nước đã khuynh-hướng cả về đường dân-chủ, thời cái vấn-đề lớn-lao phải giải-quyết là làm thế nào cho sinh-kế của công-chúng được sung-túc. Phàm chính-trị là phải mưu việc đó trước nhất. Về đời Phong-kiến,

---

(1) Đại-khái chữ *cộng-hòa* với chữ *dân-chủ* cũng là đồng-nghĩa nhau, nhưng có phân-biệt một chút. Cộng-hòa tiếng Pháp là *République* là nói chung về cách chính-trị trọng quyền-lợi của toàn-thể quốc-dân, chứ không riêng một hạng người nào. Cách chính-trị này thường thường là theo về chế-độ dân-chủ (*démocratie*), nghĩa là chủ-quyền ở cả toàn-dân bầu-cử người thay mặt để quản-trị việc nước; nhưng cũng có đôi khi theo chế-độ qúi-tộc (*aristocratie*) (như ở Thụy-sĩ ngày xưa), nghĩa là chủ-quyền vẫn ở toàn-dân, song ủy cho một hạng qui-tộc thay dân mà cai-trị việc nước. — Hợp-nhất (*unitaire*), là quyền chính-trị qui-tập vào một chính-phủ trung-ương hết. — Chính-thể nước Pháp có cả ba tính-cách cộng-hòa, dân-chủ và hợp-nhất đó.

các chư-hầu đương hống-hách, chỉ nay đánh chỗ này, mai đánh chỗ khác, để mở rộng bờ-cõi của mình, để bắt kẻ khác phải thần-phục, để cướp thêm lấy thành-quách, bắt thêm lấy binh-lính. Đến khi Giáo-hội cầm quyền chuyên-chế, thời lại khởi ra cuộc tôn-giáo-chiến-tranh, như trận Thập-tự để giải-phóng cho đất Thánh-mộ bị người ngoại-đạo chiếm mất. Sau kế đến quân-chủ chuyên-quyền, cũng lại chiến-tranh nữa, hoặc để chinh-phục đất ngoài, hoặc để tỏa-chiết cường-lân, hoặc để giữ thế quân-bình. Kịp đến khi chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa dân-chủ dấy lên, thời lại chiến-tranh để truyền-bá những tư-tưởng cách-mệnh, tư-tưởng giải-phóng cho các dân-tộc bị áp-chế, như trận Bắc-Mĩ về đời Louis thứ 16, các trận đánh về hồi Đại-Cách-mệnh, trận đánh khôi-phục độc lập cho nước Hi-lạp, nước Tỉ-lợi-thì, nước Ý-đại-lợi.

Đến ngày nay thời những sự chiến-tranh về chính-trị, về tư-tưởng đã êm hết cả, lại thấy xuất-hiện ra một lối cạnh-tranh mới, là lối kinh-tế-cạnh-tranh. Muốn tìm nơi tiêu-thụ cho hàng-hóa trong nước, bèn đem quân đi chiếm-đoạt lấy các phụ-đầu cùng các thuộc-địa ở ngoài, như về phần nước Pháp thì đánh những trận nước Tàu năm 1860, 1900, trận An-Nam, trận *Tunisie* (Bắc Phi-

châu), trận *Madagascar* (đảo lớn ở đông-nam Phi-châu), các trận để chiếm thuộc-địa ở Tây Phi-châu. Các nước đi lấy thuộc-địa ngày nay không phải là để cầu cái hư-danh mở-mang bờ-cõi cho nước mình đâu, chính là vì lẽ kinh-tế cả.

Nay thế-giới có thái-bình thời kinh-tế mới thịnh-vượng được, cho nên các nước đã kinh-qua nhiều phen chiến-tranh khốn-nạn, như trận Âu-chiến vừa rồi, bây giờ mới hiểu rằng phải nên lấy hòa-bình làm chủ sự giao-tế với nhau. Nếu cứ dùng võ-lực mà chiến-tranh hoài, thời dẫu chiến-thắng hay chiến-bại cũng hại như nhau cả, như vậy thì điều-đình châm-chước còn hơn là xung-đột vô-ích. Cho nên gần đây không có tháng nào là các nước không hội-nghị ở chỗ nọ, hội-nghị ở chỗ kia để bàn-bạc về việc quốc-tế, lấy thương-thuyết mà giải-quyết mọi việc, không để đến nỗi phải xung-đột nhau. Những người có tư-tưởng về nhân-đạo đều ước-ao rằng từ nay trở đi nhân-loại sẽ tránh khỏi cái họa chiến-tranh. Mong rằng lời ước ấy sẽ thành sự thực, nhưng cũng chưa dám chắc, vì cái tình-thế thiên-hạ ngày nay vẫn còn bối-rối lắm.

Song xét cho kỹ thời công việc nhà chính-trị ngày nay không có giống như ngày xưa, không phải âm-mưu kết-liên nước nọ, phản-

gián nước kia, bày ra thế công thế thủ, tinh chuyện cướp nước cướp thành; nhưng cốt nhất là tìm lấy nơi tiêu-thụ cho hàng-hóa nước mình, bênh-vực cho công-nghệ nước nhà đối với thuế thương-chánh hay đối với quyền kinh-tế của nước ngoài, kiểm-điểm cho cẩn-thận những số xuất-cảng nhập-cảng cho hai bên khỏi chênh nhau quá, nói tóm lại là hết sức giữ cho toàn cái sức « tín-dụng » của nước mình ở trên thị-trường thế-giới. Điều-ước các nước ký với nhau ngày nay phần nhiều là những ước thông-thương cả.

Các vua chúa ngày xưa không phải là tuyệt-nhiên không chăm đến sự làm ăn của dân; nhưng thiết đến sinh-kế dân là chỉ cốt để rồi có cớ mà đánh thuế nặng hơn, để tăng-gia lục-quân hải-quân, khuếch-trương thế-lực đối với các nước khác. Ngày nay thời các nước dân-chủ lấy việc dân-sinh làm cái mục-đích của chính-phủ, chứ không coi là một cái phương-tiện để cầu cho đạt tới mục-đích khác như ngày xưa.

Chính-trị, ngoại-giao, cho đến việc chiến-tranh bây giờ cũng là tùy thuộc về việc kinh-tế hết cả. Một nước ngày nay không phải đợi nước láng giềng đề-binh sang đánh mới là nguy-hiểm: có thể nguy-hiểm vì sổ dự-toán chi thu không được cân, vì sức « tín-

dụng » (1) bị phá-hoại, vì số xuất-cảng bị giảm-sút, vì dân-tình khủng-hoảng, không được yên-ổn làm ăn. Ký một cái thương-ước không cẩn-thận cũng hại bằng thua một trận to ; bị một phen phá-sản không trả được nợ nước ngoài cũng có thể mất quyền độc-lập được. Nước Thổ-nhĩ-kỳ trước kia, nước Tàu từ xưa đến giờ, cũng vì kinh-tế vụng cho nên một phần tài-sản vào tay người ngoại-quốc giám-đốc (thuế thương-chính, thuế muối, v. v.), mà đến quyền chính-trị trong nước cũng bị ngoại-quốc can-thiệp vào, có khi bị ngoại-quốc chủ-trương nữa. Ngày nay muốn biết một nước mạnh hay yếu chắc là vẫn phải xét hải-quân lục-quân nước ấy nhiều ít thế nào ; nhưng mà cũng phải xét cả những nơi tiêu-thụ hàng-hóa của nước ấy nữa, có nhiều nơi ví nhất-đán

---

(1) Phàm việc giao-dịch buôn-bán ngày nay, dù là cá-nhân với cá-nhân, hay các nước với nhau, đều lấy cái sức « tín-dụng » làm cốt-yếu. Sức « tín-dụng » (chữ Pháp là *crédit*) là nói về cái tình-thế kinh-tế vững-vàng khiến cho người ngoài có thể tin mà giao-dịch với mình được. Tỉ như một nhà buôn có sức tín-dụng, nghĩa là công-việc trong nhà đủ thịnh-vượng khiến cho các ngân-hàng có bụng tin chịu cho vay tiền để kinh-doanh mọi việc. Một chính-phủ mộ công-thải cũng thế, có sức tín-dụng, dân mới chịu mua vé đông. Một nước phát-hành trái-phiếu ra ngoại-quốc cũng vậy, phải có sức tín-dụng, nước ngoài người ta mới tiêu-thụ cho mình.

bị bế-tắc lại, cũng đủ làm cho nước ấy đến suy-sút, đến đồ-địa, chẳng kém gì như bị diệt mất hải-quân hay lục-quân vậy.

Tiến-bộ về nghĩa quốc-tế

Ngày nay mà nói đến nghĩa quốc-tế-liên-lạc (*solidarité internationale*) thời mới nghe tựa-hồ như không được thích-hợp với thời-thế lắm. Về thế-kỷ thứ 18, cái thế-giới-chủ-nghĩa (*cosmopolitisme*), nhân-loại-chủ-nghĩa (*humanitarisme*) đương thịnh-hành lắm, cả Âu-châu bấy giờ coi như một nhà một họ lớn; nhưng từ các trận đời Cách-mệnh và đời Đế-chính trở đi thời cái quốc-gia-chủ-nghĩa (*nationalisme*) lại dần dần nhóm lên càng ngày càng mạnh. Nhờ được chính-sách hòa-bình từ năm 1815 đến 1848, cái chủ-nghĩa quốc-gia mới này hồi đầu không gây ra cuộc chiến-tranh nào cả. Nhưng ở nước Đức tự năm 1841, ở phần nhiều các nước Âu-châu khác tự năm 1848, đâu đâu cũng thấy xuất-hiện ra những vấn-đề về dân-tộc, về quốc-gia, cho là việc quan-trọng lắm.

Nước nọ vận-động khôi-phục tự-do, dân kia yêu-cầu biên-chế hiến-pháp, nhân đó chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa dân-tộc (*principe des nationalités*) lại càng phát lên kịch-liệt. Xưa kia sự tranh-dành, sự ghen-ghét là ở các

vua chúa với nhau, đến bấy giờ thời tựa-hồ như các dân-tộc đã trưởng-thành bèn kế-thừa lấy những cái mối tranh-đoan của vua chúa. Tự đấy, phàm các nước Âu-châu chiến-tranh với nhau là nước nọ đối với nước kia, dân nọ đối với dân kia, chứ không phải triều-đình nọ đối với triều-đình kia, hay là nhà vua nọ đối với nhà vùa kia như trước nữa. Như trận Pháp - Phổ năm 1870-1871, cho đến cuộc Âu-chiến năm 1914-1918, các nước đánh nhau là quân-đội kể hàng triệu, chứ không kể hàng nghìn nữa. Thật là cả từng dân-tộc xô vào mà đánh lộn nhau, nghĩ mà ghê thay !

Trên kia xét về đường kinh-tế, đoán rằng các nước từ nay vì lẽ kinh-tế tất phải cầu lấy hòa-bình, không có sinh việc chiến-tranh như trước nữa. Nhưng nghiệm ra cái chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa dân-tộc lại càng ngày càng thịnh, dân nọ đối với dân kia, nước nọ đối với nước kia, khăng khăng không chịu nhau, thể nào khỏi xung-đột, cho nên e rằng không biết lời dự-đoán như trên có lẽ thành sự thực được không. Những chủ-nghĩa ấy còn thịnh-hành thời sau này dù bao nhiêu chính-phủ quân-chủ đổi ra chính-phủ cộng-hòa hết cả, hay là nói cho quá đi bao nhiêu chính-phủ cộng-hòa thuộc về chế-độ tư-bản (tức phái cộng-sản gọi là *républiques bour-*

geoises) đổi ra chính-phủ bình-dân thuộc về chế-độ cộng-sản hết cả, vị-tất cái họa chiến-tranh đã tiệt hết, vị-tất sự chiến-tranh đã bớt đi, và vị-tất cái tai-hại đã kém hơn bây giờ. Những dân-tộc chiến-tranh ngày nay để phục quyền độc-lập hay để tuyên-truyền tự-do cũng dữ-dội chẳng kém gì các vua chúa ngày xưa chiến-tranh để mở-mang bờ-cõi hay để khuếch-trương thế-lực; lại các nước «tư-bản» đánh nhau để tranh quyền buôn-bán hay để cướp lấy mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ than, mỏ dầu, cũng kịch-liệt lắm nữa; chí-ư các nước «lao-động» đánh nhau sau này để cướp miếng ăn hay để tranh việc làm, thời có lẽ lại còn khốc-hại hơn nhiều nữa. Cứ xem những việc xung-đột nhau đến lưu-huyết xảy ra ở các xưởng thợ nước Pháp, nước Ý, nước Tỉ, thời chủ-nghĩa quốc-tế (*internationalisme*) tưởng chưa đến ngày phát-đạt to được. Từ trước đến nay, mọi sự cải-cách về chính-trị hay về xã-hội không thấy tất-nhiên có cái hiệu-lực bảo-hộ cho cuộc hòa-bình vậy.

Cứ như trên vừa nói thì cái hiểm-tượng trong thế-giới ngày nay hãy còn nhiều lắm; tuy-nhiên việc giao-tế các nước với nhau cũng có tấn-tới nhiều, điều đó không thể không thừa-nhận được.

Về đời phong-kiến, người dân sinh-trưởng

ở đâu thời suốt đời ở đấy, ở nhà quê không ra khỏi ấp, ở kẻ chợ không ra khỏi thành. Đến đời quân-chủ, con mắt đã nhìn rộng được ra đến bờ cõi nước nhà, người dân đã bắt đầu có cái quan-niệm về tôn-bang tổ-quốc. Hồi tôn-giáo chuyên-chế thời thấy có cái quan-niệm phảng-phất về « công-cộng giáo-hội » (*chrétienté*). Đến thế-kỷ thứ 16, các nước đã có chính-sách ngoại-giao đối với nước ngoài, gồm lại gọi tổng-danh là « Âu-châu » (*Europe*). Từ đấy đến giờ, thế-giới rộng ra biết bao nhiêu !

Từ thế-kỷ thứ 18 nước Pháp đi khai thuộc-địa khắp mọi nơi, tức là sáp-nhập vào trong vòng khuôn văn-minh Âu-châu những đất nước các phương xa, như *Canada*, *Louisiane*, *Antilles* ở Mĩ-châu, *Algérie*, *Tunisie*, *Congo*, *Madagascar* ở Phi-châu, *Indochine* ở Á-châu, mấy cái quần-đảo ở Nam-dương, v. v.. Nước Anh thời sáp-nhập Bắc-Mĩ, Ấn-độ, Úc-châu ; nước Đức thời một phần Phi-châu ; Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha, là hai nước bắt đầu đi khai thuộc-địa sớm nhất, đã từng sáp-nhập đất Trung-Mĩ, Nam-Mĩ, một phần các đảo về các bờ bể Phi-châu, đảo Phi-luật-tàn, và nhiều các quần-đảo khác ở Nam-dương ; Hà-lan thời sáp-nhập đất Nam-Phi và các quần-đảo

Mã-lai ; nước Nga thời sáp-nhập cả phía Bắc châu Á. Ngoại-giả, những xứ khác hoặc còn thuộc về trình-độ bán-khai, hoặc đã văn-minh rồi mà theo về một lối văn-minh khác với văn-minh của Âu-châu, như nước Tàu, nước Nhật, Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ, Ai-cập, trước sau cũng phải vào giao-thiệp với các nước Âu-châu cả, tức là chịu ảnh-hưởng của văn-minh Âu-châu. Chính Âu-châu ngày nay cũng chỉ là một bộ-phận trong thế-giới văn-minh, mà thế-giới văn-minh tức có thể gọi là « thế-giới Âu-châu », vì là thuộc văn-minh Âu-châu cả. Lại nhiều các dân-tộc mới, nguyên giống tự người Pháp, người Anh, người Tây-ban-nha, người Bồ-đào-nha, người Hà-lan, người Đức, người Nga, hoặc đã thành-lập, hoặc đương thành-lập, ở Nam-Bắc-Mĩ, ở Phi-châu, ở Á-châu, ở Úc-châu ; những dân những nước ấy cố-nhiên là vẫn giữ cái văn-minh cố-hữu của mình, là văn-minh Âu-châu. Văn-minh này lại mỗi ngày một truyền-bá rộng mãi ra, cả một cõi Á-đông vốn thuộc về lối văn-minh khác, ngày nay cũng tiêm-nhiễm hết cả. Người La-mã ngày xưa cho thế-giới là gồm các dân các nước ở quanh miền Địa-trung-hải, cũng như người Tàu cho « thiên-hạ » là Trung-quốc với các nước phụ-dung

chung quanh mà thôi. Người đời nay thời cho « thiên-hạ » là cả địa-cầu, cả vũ-trụ ; và đã có cái quan-niệm về lẽ liên-đái-quan-hệ trong các dân-tộc với nhau, bất-cứ là thuộc về giống vàng, giống trắng, giống đen thẫm hay giống đen nhạt vậy.

Về đường pháp-luật, Âu-châu xưa kia đã có vạn-quốc công-pháp, nhưng chỉ để đối-đãi với các dân Âu-châu theo về Cơ-đốc-giáo mà thôi ; này thời dần-dần khuếch-trương cả ra khắp các nước trên địa-cầu. Như Thổ-nhĩ-kỳ chính ở Âu-châu mà xưa vẫn phải đứng ngoài hội quốc-tế Âu-châu, nay thời nghiễm-nhiên là một nước Âu-châu rồi ; còn người Tàu, người Nhật, người Ba-tư, người Xiêm-la, thời dần dần cũng giao-thiệp với các nước Âu-châu càng ngày càng mật-thiết, trao đổi sứ-thần với các nước ấy, ký điều-ước giao-hiếu, điều-ước thông-thương, tham-dự vào các hội-nghị chung. Từ sau việc Âu-chiến đến giờ, sự giao-tế các nước trong thế-giới lại càng sầm-uất lắm nữa. Hội Vạn-quốc lập ra ở *Genève* (nước Thụy-sĩ), gồm được gần khắp các nước trên hoàn-cầu, mỗi khi hội-nghị, đại-biểu các nơi đến họp, thật là thu cả thế-giới, cả nhân-loại vào trong một nhà vậy.

Các nước năng đi lại với nhau, tất phải có pháp-luật chung để chủ-trương sự giao-tế ấy.

Pháp-luật ấy tức là quốc-tế-công-pháp, quốc-tế-tư-pháp, các nước cùng nhau đặt ra, cùng nhau thuận nhận để điều-đình mọi việc quan-hệ đến quyền-lợi nước nọ đối với nước kia, hoặc là quyền-lợi chung của cả nước, hoặc là quyền-lợi riêng của cá-nhân. Khi chiến-tranh cũng có luật-pháp, phàm nước nào có liêm-sỉ cũng phải tuân theo.

Đời Phong-kiến ở Âu-châu có cái quyền gọi là « quyền tịch-thu » (*droit d'aubaine*), nghĩa là người ngoại-quốc đến ngụ-cư một nước nào mà không nhập-tịch nước ấy thời khi chết đi gia-sản bị tịch-thu vào làm của nhà vua; đời quân-chủ chuyên-chế, luật ấy cũng vẫn còn giữ. Đời Cách-mệnh ở nước Pháp mới bỏ hẳn, rồi các nước khác cũng bỏ dần hết.

Xưa tầu ngoại-quốc mà ghé vào bờ bể nước Pháp thì nguy-hiểm lắm. Nay đâu đâu cũng đặt tháp hải-đăng, đặt hội cứu bão, gặp khi có cái thuyền hay cái tầu nào bị nguy-hiểm ngoài khơi thì bất-luận là người nước nào, cũng phái những thủy-thủ rất can-đảm ra cứu cho khỏi nạn. Người ngoại-quốc giạt đến bờ bể nước mình, xưa coi như thù như giặc, nay sẵn lòng cứu giúp cho, bảo-hộ cho, dẫn đường chỉ lối cho khỏi nguy-nan.

Xưa chốn biên-thùy, nơi quốc-giới là chỗ ngăn-trở cho sự giao-thông nhiều lắm. Phàm

hóa-vật ở ngoại-quốc đem vào, hoặc là bị ngăn-cấm, hoặc là bị quan-thuế rất nặng, lính nhà « đoan » khám xét phiền-nhiễu lắm. Nay thời trừ ra mấy khoản, còn lệ cấm cũng khoan hơn trước nhiều, và thuế thương-chính cũng nhẹ hơn. Vào khoảng năm 1820, ai đi du-lịch trong ba-mươi-bảy « bang » ở nước Đức, — nước Đức hồi bấy giờ chưa hợp-nhất, — thời đồ hành-lý bị khám đến ba-mươi-bảy lần, mỗi nơi một chặng lính « đoan » mặc một thứ áo khác. Ai đi chơi Ý-đại-lợi cũng vậy : ở các xứ thuộc quyền nhà vua *Sardaigne*, sang các xứ thuộc quyền nhà vua *Lombardie* hay *Vénitie*, ở quận *Parme* sang quận *Toscane*, ở đất của Giáo-hoàng sang đất của nhà vua *Naples*, cũng nghiêu-khê như thế. Từ ngày nước Đức đặt ra ước « quan-thuế liên-hợp » (tiếng Đức là *Zollverein*, tiếng Pháp là *Union des Douanes*), nước Áo-Hung chỉnh-đốn lại quan-thuế, nước Ý-đại-lợi thống-nhất, thời không có những sự bất-tiện như thế nữa. Ngày nay đi tự *Paris* sang kinh-đô nước Nga, chỉ phải qua có hai đường cửa quan mà thôi.

Xưa khách lữ-hành đi ra khỏi bờ cõi nước, lại còn sự phiền-nhiễu nữa, là phải có giấy thông-hành, xin thật khó và mất nhiều tiền, đến đâu cũng phải trình ra, lấy chữ ký quan sở-tại mới được đi, có khi về đến nhà giấy

đặc kin những dấu cùng chữ. Người Anh là một dân-tộc hiếu tự-do và ưa giản-tiện xưa nay, bắt đầu bãi cái lệ giấy thông-hành ấy trước nhất, người ngoại-quốc vào nước Anh không cần phải giấy-má gì cả. Nước Pháp về đời Đế-chính tuy là đương thuộc chính-phủ chuyên-chế, hay có thói hiềm-nghi, nhưng cũng bắt-chước người Anh bỏ lệ ấy. Các nước khác lần-lượt theo hết cả. Ngày nay suốt Âu-châu đi nước nọ sang nước kia, không cần phải giấy thông-hành; ở các nơi khác cũng vậy, chỉ trừ những nơi nào thế-lực của chính-phủ chưa được vững-vàng, mới hay có thói nghi-kỵ những người đi lại mà thôi.

Về bưu-chính thì suốt các nước trong thế-giới đã họp nhau thành một « Quốc-tế Bưu-chính liên-hiệp-hội » (*Union postale universelle*); về tiền-tệ, về phép đo-lường, hiện cũng đã có nhiều nước theo thể-chế của nước Pháp. Nhờ đó nghĩa quốc-tế-quan-hệ ngày một rõ thêm ra.

Nhất-diện thời những sự ngăn-trở cho các nước không thân-cận được nhau ngày một tiêu-trừ đi, nhất-diện thời những mối liên-lạc các nước với nhau lại ngày một thêm nhiều ra và thân-mật hơn. Mỗi ngày lại đặt thêm một đường điện-báo trên cạn dưới bể, đặt thêm một đường hỏa-xa, đường tầu bể,

khiến cho việc giao-thông trong thế-giới văn-minh càng dễ-dàng tiện-lợi. Trong các sự-nghiệp về hỏa-xa, về công-nghệ, trong các cuộc công-thải của nhà nước hay của các thị-tỉnh ở Tỉ-lợi-thì, Tây-ban-nha, Ý-đại-lợi, v.v., đều có tiền của người Pháp mua vé vào đấy cả, cũng như trong các công-ti cùng công-thải của nước Pháp cũng có vô-số tiền của Tỉ, của Anh, của Đức, của Mĩ. Như sản-nghiệp nước Anh với sản-nghiệp nước Pháp rất có mật-thiết-quan-hệ với nhau, chợ Hối-đoái (*la Bourse*) thành *Paris* thường hằng ngày theo giá lên xuống ở chợ *Londres*, bên nước Anh mà xảy ra có công-ti hay có nhà ngân-hàng nào phá-sản thời lập-tức ảnh-hưởng ngay sang các chợ buôn tiền ở *Paris, Lyon, Marseille, Lille, Bordeaux*; ví vạn-nhất mà hai nước giao-chiến với nhau thời các ngân-phiếu cùng trái-phiếu của hai nước liền sụt giá xuống ngay, sức tín-dụng trong trường kinh-tế cũng bại-hoại ngay. Xét trong lịch-sử Anh với Pháp xưa nay đánh nhau biết bao nhiêu phen; đến bây giờ thời lợi-quyền kinh-tế đã ràng-buộc nhau bền-chặt quá, khó lòng mà quyết-liệt với nhau cho đến đánh nhau được nữa. Ấy kinh-tế có cái sức liên-lạc mạnh như thế. Thậm-chí Pháp với Đức là hai nước thù thiên-cổ với nhau, tưởng

không bao giờ lại còn thân nhau được, thế mà gần đây những nhà chính-trị trong hai nước đã xướng lên cái chính-sách thân-thiện và đã thấy bắt đầu thực-hành.

Tự thế-kỷ thứ 19 đến giờ, không có một cái đại-sự-nghiệp gì trong thế-giới mà do một nước chủ-trương cho thành được ; như đào đường tụy-đạo núi *Cenis* phải nước Pháp với nước Ý hiệp-lực nhau ; đào đường tụy-đạo núi *Saint-Gothard* phải nước Đức, nước Ý và nước Thụy-sĩ hiệp-lực nhau ; đặt giây điện-báo ngầm qua Đại-Tây-dương phải nước Anh với nước Mĩ hiệp-lực nhau ; đào sông Vận-hà *Suez* tuy là người Pháp chủ-trương mà không phải toàn là vốn của người Pháp cả.

Khoa-học ngày nay không phải khoa-học riêng của nước Pháp, nước Anh, nước Đức hay nước Mĩ ; khoa-học ngày nay là khoa-học chung của thế-giới. Nhà khoa-học bây giờ không phải như nhà khoa-học đời xưa, ngồi nghiên-cứu một mình ở trong phòng thí-nghiệm : ngày nay có trăm nghìn thứ sách-vở tạp-chí thuật lại cho biết những sự nghiên-cứu của bạn đồng-nghiệp ở khắp các nước ; lại có những hội-nghị quốc-tế về khắp các môn học, thường-thường họp lại để cho nhà khoa-học bác-học các nước được gặp mặt nhau mà liên-lạc với nhau. Không có một sự phát-minh gì lớn mà không có

công chung của người các nước giúp vào, như người Pháp thì có cái tài sáng-khởi, người Anh có cái tài ứng-dụng, người Đức có cái tài tổ-chức, người Mĩ có cái tài biến-báo. — Như tìm thấy cách dùng sức mạnh hơi nước là người Pháp tên là PAPIN (1647-1774); người Anh tên là WATT (1736-1819) mới chế ra cái máy chạy bằng hơi nước; người Mĩ tên là EVANS (1755-1819) thời chế ra cái máy áp-lực mạnh (cao-áp khí-cơ, *machine à haute pression*). — Lại người Pháp JOUFFROY D'ABBANS (1754-1832) tìm được cách cầm máy tàu chạy hơi nước trước nhất, kế đến hai người Mĩ FITCH và FULTON (1765-1815) mới sửa-sang lại mà làm cho tiện-dụng. — Máy khí-xa để kéo cho hỏa-xa chạy là tự người Anh STEPHENSON (1803-1859) chế ra, nhưng đến khi người Pháp SEGUIN (1784-1875) đặt ra lối ống truyền hơi (*système tubulaire*) thời máy mới thật là có sức mạnh. — Lại người Anh GREY tìm ra cách truyền điện bằng tiếp-xúc (*transmission par le contact*): người Hà-lan MUSSCHENBROCK (1692-1761) chế ra cái bình chứa điện gọi là *bouteille de Leyde*; người Mĩ FRANKLIN (1704-1809) nghĩ đặt ra ống thu-lôi; người Ý VOLTA (1745-1887) chế ra cái điện-trì (*pile*); người Đan-mạch ŒRSTED (1777-1851) đặt ra khoa từ-điện-học (*électro-magnétisme*);

người Pháp ARAGO (1812-1896) và AMPÈRE (1775-1836) tìm được cái nguyên-lý về điện-báo.

Nói tóm lại từ trước đến nay, sự chinh-chiến vẫn làm cho các dân các nước hiềm-thù cách-trở nhau; từ nay về sau có lẽ nhờ những sự-nghiệp công-cộng về kinh-tế, về khoa-học, về từ-thiện, các nước sẽ càng ngày càng hiệp-lực cộng-tác với nhau mà dần-dần trở nên thân-thiện cùng nhau vậy.

VĂN-MINH HỌC-THUẬT NƯỚC PHÁP

Văn-minh học-thuật một nước là biểu-hiệu của cái tinh-thần nước ấy. Tinh-thần ấy phát-hiện ra nhiều cách, nhưng rút lại có mấy cái đặc-tính phân-biệt nước ấy với các nước khác, khiến cho nước ấy có một cái hình-dung riêng trong Vạn-quốc, một cái địa-vị riêng trong thế-giới vậy. Phàm các nước lớn đời xưa đời nay, đã có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa của nhân-loại, đều có một cái tinh-thần riêng như thế cả. Tinh-thần ấy cũng tức như nhân-cách của từng người vậy. Nhân-cách mỗi người một khác, phát-hiện ra cách tư-tưởng cảm-giác, sự cư-xử hành-vi của mỗi người. Tinh-thần một nước cũng vậy, phản-chiếu ra văn-minh học-thuật của nước ấy. Vậy muốn hiểu rõ văn-minh học-thuật một nước nào, tất phải hiểu cái tinh-thần riêng của nước ấy.

Nay thử hỏi các nhà tây-học nước ta, sau khi đọc xong một quyển sách hay bằng chữ Pháp, sách văn-chương hay sách nghị-luận,

sách tiểu-thuyết hay sách nhàn-đàm, thì cái cảm-giác ra làm sao ? Tất ai ai cũng từng nhận rằng cái cảm-giác ấy có một cái hứng-vị, một cái phong-thú riêng, không thể giải được, vui-vẻ, nhẹ-nhàng, mà đậm-đà, thiết-thực. Cái cảm-giác ấy tuy không nói rõ ra được, nhưng phàm người nào đã hầu biết thưởng-thức văn-chương nước Pháp, đều thấy phảng-phất như thế cả. Bởi đâu mà văn-chương nước Pháp có cái sức cảm-hóa sâu-xa mà đặc-biệt như thế? Bởi cái tinh-thần riêng của nước Pháp vậy.

Giải rõ được cái tinh-thần ấy, phát-biểu được cái đặc-tính của nó, không phải là một việc dễ. Tất phải am-hiểu tính-tình tư-tưởng người Pháp, thông-thuộc văn-chương xã-hội nước Pháp, lý-hội lịch-sử hiện-tình dân Pháp, mới có thể bình-luận một cách đích-đáng được. Chúng tôi không dám tự-phụ có đủ tư-cách như thế. Nhân đọc một bài luận hay về « Văn-minh nước Pháp » (*La civilisation française*) của một nhà văn-sĩ Pháp, ông Victor Giraud[1], thấy

---

(1) Ông là một nhà « phê-bình » có tiếng ở nước Pháp. Nguyên dạy văn-chương Pháp ở trường Đại-học *Fribourg*, bên Thụy-sĩ. Ông làm bài luận về « Văn-minh nước Pháp » này, đã từng được hội Hàn-lâm ban « phần thưởng hùng-biện » (*prix d'éloquence*) năm 1916. Hiện nay ông làm Tổng Thư-ký Tạp-chí *Revue des Deux Mondes*, là một tập tùng-báo rất có tiếng ở nước Pháp.

lời-lẽ ám-hợp với cái cảm-giác riêng lúc bình-thời, tựa-hồ như cái mình vẫn tưởng-tượng một cách phảng-phất xưa nay, nay có người đến chỉ thị, diễn-thích, phát-minh ra cho rất tinh-tường, khám-phá ra được nhiều điều hay lẽ phải về văn-minh học-thuật nước Pháp. Vậy tưởng không gì bằng tóm-tắt đại-ý bài ấy ra sau này, bàn thêm vào, để giúp cho bọn ta hiểu rõ cái tinh-thần một nước đã lâu nay vẫn nổi tiếng văn-minh trong thế-giới mà ngày nay lại có mật-thiết-quan-hệ với chúng ta vậy.

*
* *

Trong bộ tiểu-thuyết trứ-danh của một nhà văn-hào Pháp ngày nay có kể chuyện một người thiếu-niên châu Á-tản *(Alsace)*, trong bụng nhiệt-thành yêu tổ-quốc Pháp, có cái chí cao-thượng muốn thờ tổ-quốc một cách đặc-biệt, khiến cho người Đức cũng phải cảm-phục. Bèn quyết chí ở đất Á-tản không xin về nước Pháp, đến tuổi binh-dịch lại nhận đăng làm lính với Đức, tự nghĩ rằng : mình là con nhà Pháp-lan, đại-biểu một lối văn-minh cao-thượng, lạc loài ở cùng với một giống người thô-bỉ cường-bạo, cái nghĩa-vụ của mình là phải ở chốn nhượng-địa này, như người lính canh bờ cõi, để giữ cho cái văn-minh tổ-quốc, phát-biểu cái văn-minh

ấy ra mà cảm-hóa bọn thô-bỉ kia. Một năm trời ở trong trại quân Đức, thực là được lòng đủ mọi người, quan trên yêu, bạn-bè phục, xử với ai cũng rất mực nhã-nhặn, đến lúc mãn-khóa ra về, ai nấy tiếc ; khi từ-giã viên đội Phổ già coi mình trước thì được tin con gái lão vừa mới chết, bèn đi mua ngay một vòng hoa sắt đến viếng. Hai vợ chồng lão đội thấy anh ta sắp biệt mình mà còn xử tử-tế như thế, rất cảm-động trong lòng mà nói rằng ; « Phải chịu rằng người nước Pháp có nhiều *nhân-đạo* hơn người các nước khác . . . »

Một câu của lão đội già nước Đức ấy thực là tóm-tắt được cái tinh-thần, cái đặc-sắc của văn-minh nước Pháp vậy.

Nước Pháp xưa nay vẫn là nước có cái nhân-đạo phong-phú hơn các nước khác. Trong các dân các nước đời xưa đời nay, có lắm nước còn hiền-hách hơn nước Pháp nhiều. Nhưng chưa thấy nước nào gồm được đủ cái tư-cách chung của nhân-loại bằng nước Pháp vậy.

Một nhà thi-nhân Pháp đã có câu thơ rằng :

Plus je suis Français, plus je me sens humain.

Nghĩa là : Tôi càng giữ được tính-cách người Pháp bao nhiêu, thì tôi càng thấy gần với nhân-loại bấy nhiêu.

Người các nước khác thì thường càng gần cái « quốc-tính » bao nhiêu, lại càng xa cái

« nhân-tính » bấy nhiêu, vì « quốc-tính » là cái đặc-biệt mà « nhân-tính » là cái thông-thường vậy. Xem như nước Đức: Người Đức càng là người Đức bao nhiêu thì lại càng tương-đối với nhân-loại bấy nhiêu, vì cái nghĩa-vụ của người Đức không phải là nghĩa-vụ của loài người, cái quyền-lợi riêng của người Đức không giống cái quyền-lợi chung của thế-giới, càng sai-biệt bao nhiêu thì lại càng xa-cách bấy nhiêu. Đến như người Pháp thì có cái đặc-tính quan-sát mọi sự mọi vật theo về phương-diện chung hơn là về phương-diện riêng, theo cái thông-thường hơn là cái đặc-biệt, thành ra người Pháp càng gần « quốc-tính » bao nhiêu lại càng gần « nhân-tính » bấy nhiêu. Cho nên nói rằng người Pháp có nhiều nhân-đạo hơn các dân khác là thế.

Nhân-đạo là gì ? Nhân-đạo tức là cái người ta sở-dĩ là người ta vậy. Muốn nói cho dễ hiểu hơn, thì nhân-đạo là cái cách làm người, cái thuật ở đời theo một cái lý-tưởng thông-thường cho cả loài người. Như thế thì trong thế-giới này không mấy dân được hợp cái cách ấy, sành cái thuật ấy bằng dân Pháp vậy.

Cả văn-minh học-thuật nước Pháp đều là thấm-nhuần một cái chất nhân-đạo ấy cả. Muốn minh-chứng điều ấy thì phải nghiên-cứu

bốn cái nguyên-chất quan-trọng tạo-thành ra văn-minh một nước : 1° văn-chương ; 2° triết-học ; 3° tôn-giáo ; 4° lịch-sử.

Ông GIRAUD xét lần-lượt bốn bộ-phận ấy một cách rất tinh-tế, diễn-thích phân-minh, biện-luận xác-đáng, lời văn bình-dị mà hùng-hồn, nét bút tả-thực mà văn-hoa, lược-thuật ra đây, tiếc không thể lột được cái tinh-thần của nguyên-văn.

***

Trước hết xét văn-chương ông nói :

« Văn-chương là hình-ảnh cái tinh-thần riêng, cái tính-cách riêng của một dân một nước, mà là cái hình-ảnh tự-nhiên hơn cả.

« Nói rằng văn-chương nước Pháp có nhiều nhân-đạo hơn các văn-chương đời nay thì thiết-tưởng chỉ xét qua văn-chương các nước khác là đủ biết vậy. Như văn-chương nước Nga thì thiên-trọng về thần-bí, văn-chương nước Anh thì giàu thi-vị, văn-chương nước Đức nhiều triết-lý, văn-chương nước Tây-ban-nha nhiều tưởng-tượng hơn văn-chương Pháp. Nhưng so-sánh với các văn-chương ấy thì văn-chương Pháp có nhiều nhân-đạo hơn. Các nhà văn Pháp chỉ quan-niệm về người ta trước nhất cả, chỉ chủ hình-dung tả-mạc chung về con người ta trong cái tình-cảnh,

cái tâm-tính, cái ý-tứ riêng của mỗi người. Phàm những vấn-đề xét đến là những vấn-đề quan-hệ chung về người ta, hoặc thuộc về đạo-lý, hoặc thuộc về xã-hội. Bao giờ cũng chuyên-chủ về cái cách ăn-ở của người ta, cách ăn-ở riêng của từng người hay cách ăn-ở chung của một đoàn-thể. Mà các nhà làm văn ấy trong khi trước-thuật cũng là chỉ vị người ta, mà nhất là cái người hiền-nhiên trước mắt, chứ không phải cái người lỗi-lạc đặc-biệt, tức là người trung-bình mà không phải người siêu-việt. Vậy lời văn cốt bình-thường cho người ta dễ nghe, ý-tứ cốt giản-dị cho người ta dễ hiểu. Nói rút lại thì cái mục-đích cốt-tử của các nhà làm văn ấy là dạy-dỗ khuyên-răn người đời, truyền-thụ cho người ta cái nhân-đạo vậy. Ông Bossuet [1] ngày xưa có phê-bình về các thi-nhân Hi-lạp mấy câu rằng: « Sách-vở của các bậc ấy vừa có cái vẻ vui-thú mà vừa có cái vẻ nghiêm-trang; *các ngài chỉ tán-tụng những công-nghiệp có ích-lợi cho đời người ta,*

---

(1) Bossuet (1627-1704), là một nhà văn-hào và hùng-biện về phái Gia-tô nước Pháp; làm chức tư-giáo trong Giao-hội, lại kiêm làm phụ-đạo cho hoàng-thái-tử con vua Louis thứ 14. Sở-trường về lối văn-tế viếng, và có làm sách về sử Vạn-quốc và về nghĩa đạo.

chỉ vụ việc công-ích, ích cho nước nhà, ích cho xã-hội, thực là có cái khí-vị thuần-lương vậy. » Mấy câu ấy dùng để giải-thích văn-chương nước Pháp, tưởng cũng không phải là không đúng ».

Ông GIRAUD đã giải cái tính-cách chung của văn-chương Pháp như thế rồi, bèn cử từng thời-đại, từng văn-phái mà bàn cho rõ thêm ra.

Hai thời-đại trứ-danh nhất trong văn-học-sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 và thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời *cổ-điển*, thế-kỷ thứ 18 là đời *cách-mệnh*. Các nhà làm văn đời cổ-điển chỉ vụ nghiên-cứu về tâm-lý người ta ; lấy người ta là một « giống rất hư-phiếm, rất uyển-chuyển và rất phiền-tạp » (*un être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm thật kỹ, cho giải được hết cái khóe ăn-ở của người đời, để tìm cách mà chữa dạy. Vì các nhà ấy đã thông tỏ tâm-tính con người ta nên biết rằng người ta « tính bản ác », nếu không kiềm-chế những cái dục-tình xằng lại, thì xã-hội không thể yên được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-đích, vì xã-hội có duy-trì được, lòng người có kiềm-chế được, thì người ta cùng xã-hội mới được yên-ổn

vững-vàng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chữa đời, chủ sự ích-lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực-hành vậy. — Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cầu cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời Cách-mệnh cũng chỉ nghiên-cứu một cái vấn-đề hạnh-phúc cho người ta, nhưng có khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc ở sự kiềm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này xướng cách phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời nay xướng lên cái thuyết người đời tính vốn lành. Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khổ-sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đổ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế nên các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội đời nay và tán-dương xã-hội cổ-sơ là cái « hoàng-kim-thời-đại » của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 và thế-kỷ thứ 18 thực là trái ngược nhau hẳn. Nhưng xét kỹ có phải tôn-chỉ cũng là giống nhau không? Hai thời-đại tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là có hoài-bão về nhân-đạo cả.

Đã cai-quát hai thế-kỷ lớn trong văn-học-sử nước Pháp, luận-giả lại xét ngược lại từ khi mới nhóm có văn-chương cho đến mãi đời nay, thì thấy các sách văn-chương ấy trước sau đều là châu-tuần ở trong vòng nhân-đạo cả. Kể từ sách « La-lăng anh-hùng-ca » (*La chanson de Roland*) là nền văn-chương cổ nhất của nước Pháp, đến bài tuồng « Lôi-Xích » (*Le Cid*) của CORNEILLE (1), đến tập « Tư-tưởng-lục (*les Pensées*) của PASCAL (2), đến những bài hí-kịch của MOLIÈRE (3), đến sách « Vạn-pháp-tinh-lý » (*l'Esprit des lois*) của

---

(1) CORNEILLE (1606-1684), thi-hào nước Pháp, tổ lối bi-kịch (*tragédie*). Có soạn những vở tuồng *Le Cid*, *Horace*, v. v..

(2) PASCAL (1623-1662), nhà bác-học và văn-hào nước Pháp. Có để lại một tập những tư-tưởng rời-rạc, chưa làm thành sách, đời sau cóp nhặt lại đề là « Tư-tưởng lục » (*les Pensées*), lời-lẽ thiết-tha cảm-động, đời cho là một áng văn-chương tuyệt-bút.

(3) MOLIÈRE (1622-1673), là nhà soạn kịch trứ-danh nước Pháp, tổ lối hí-kịch (*comédie*). Có soạn những bài : *L'Avare* (Người biển-lận), *Le malade imaginaire* (Bệnh tưởng), *Le Bourgeois gentilhomme* (Trưởng-giả học làm sang), ông Nguyễn Văn-Vĩnh đã dịch ra quốc-ngữ.

Montesquieu [1], cho đến thơ Lamartine [2], cho đến tiểu-thuyết George Sand [3], cho đến văn phê-bình của Sainte-Beuve [4], tuy trước-tác phong-phú như thế, mà rút lại trong bấy nhiêu sách, cái tôn-chỉ cũng là một, là tả con người ta ra đủ mọi cách, trong đủ mọi cảnh : khi sướng, khi khổ, khi vui, khi buồn, — lúc khôn-ngoan, lúc khờ-dại, — lúc khao-khát những sự vô-hạn, lúc mưu-toan những việc trị-bình, — lúc khổ vì cái ái-tình uốn-éo lúc than vì nỗi thế-sự ngặt-nghèo...

---

(1) Montesquieu (1689-1755), Tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cưu, là nhà văn-hào nước Pháp, nguyên làm chức Chánh Viện Tư-pháp thành *Bordeaux*. Có soạn bộ sách *L'Esprit des lois*, xuất-bản năm 1748, người Tàu gần đây có dịch ra chữ Hán, đề là « Vạn-pháp tinh-lý ».

(2) Lamartine (1790-1869), thi-hào, văn-hào, lại kiêm nhà chính-trị nước Pháp. Thơ ông có cái vị thanh-cao, và tiêu-sái lắm. Chính ông làm bài thơ *Le Lac* (Cái Hồ), đã nhiều người dịch ra quốc-ngữ.

(3) George Sand (1840-1877), nữ-sĩ nước Pháp, có soạn nhiều tiểu-thuyết phổ-thông lắm. Bà này là một tay cự-phách trong văn-phái lãng-mạn (*école romantique*).

(4) Sainte-Beuve (1804-1869), là nhà phê-bình về văn-học và triết-học có tiếng ở nước Pháp. Văn phê-bình của ông có tập thành sách, đề là *Les Lundis*.

Xét như thế thì từ xưa đến nay phàm những sách hay trong văn-chương Pháp, được người đương-thời cảm-phục, hậu-thế suy-tôn, chính là những sách giàu về nhân-đạo hơn cả. Văn-chương Pháp giàu về nhân-đạo, vì văn-chương Pháp chủ nghiên-cứu về người ta, chú-trọng nhất là những vấn-đề quan-hệ đến người ta, đến sự hạnh-phúc ở đời, phép xử-thế cùng đường vận-mệnh của người ta. Thi-nhân La-mã có câu thơ nói rằng; « Tôi là người, phàm cái gì quan-hệ đến người ta, không phải là không quan-hệ đến tôi ». Câu thơ ấy có thể làm tiêu-biểu cho các nhà thi-văn nước Pháp vậy.

Xưa nay người ta vẫn khen văn-chương nước Pháp có ba cái tính-cách hay nhất: một là rõ-ràng, hai là giản-dị, ba là thành-thực. Ba cái tính-cách ấy cũng là bởi một nguồn nhân-đạo mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý, làm văn-chương thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giấc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc riêng cho mình. Người Pháp làm văn-chương vị người hơn là vị mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mộc-mạc thế mà đem diễn

ra đâu ; còn suy đi nghĩ lại, chắt-lọc chung-đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới đem diễn ra thành lời ; lời văn ấy cũng không phải là cẩu-thả, thực là chải-chuốt cho thật bóng-bẩy, thật vắn-tắt, thật giản-dị, thật phân-minh, khiến người đọc hiểu suốt được ngay, không phải mất công khó-nhọc chút nào. Bởi lời văn Pháp có cái đặc-tính rõ-ràng sáng-sủa như thế, nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn-tự chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau [1]. Cái danh-dự ấy tưởng rất là xứng-đáng vậy.

*
* *

Thứ xét đến triết-học.

Muốn phát-biểu cái đặc-tính của triết-học nước Pháp, lại cũng không gì bằng so-sánh

---

(1) Hòa-ước Nhật-Nga năm 1906 điều 25 nói rằng : « Hòa-ước này làm bằng văn Pháp cùng văn Anh. Hai bản thực giống nhau, nhưng hễ khi có dị-nghị thì sẽ lấy bản Pháp-văn làm bằng. » — Một người Nga tên là J. Novicow mấy năm trước có xướng lên cái nghị rằng các nước văn-minh Âu-châu, ngoài tiếng nước mình, nên dùng tiếng Pháp làm tiếng giao-thiệp chung. — Song năm 1919 làm hòa-ước *Versailles* thời vừa dùng Pháp-văn vừa dùng Anh-văn, hai bên ngang nhau, không có điều-lệ biệt-đãi tiếng Pháp như hòa-ước Nhật-Nga năm trước.

triết-học Pháp với triết-học Đức. Nước Đức xưa nay vẫn có tiếng là sở-trường về triết-học. Nay cứ hình-thức mà xét thì triết-học Pháp thực là trái hẳn với triết-học Đức. Nước Đức lấy triết-học làm khoa chuyên-môn, chỉ một bọn người chuyên-trị, học riêng với nhau, bàn riêng với nhau, không trực-tiếp với người ngoài, không vụ đem cái tư-tưởng của mình đối-chiếu với sự thực, với lẽ phải thông-thường. Bởi thế nên triết-học của Đức có cái vẻ bí-mật huyền-áo, khi cao thì siêu-việt quá, khi thấp thì lại tối-tăm quá, mà bao giờ cũng trúc-trắc khó hiểu. Triết-học Pháp thì thực là khác. Người Pháp cho triết-học là một khoa phổ-thông cho cả mọi người có học-vấn, có trí-thức. Phàm làm người ai cũng có thể xét-đoán lẽ phải được. Nhà triết-học nghiên-cứu về chân-lý, sở-đắc điều gì, phải đem công-bố ra cho mọi người biết, không phải chỉ để thảo-luận riêng trong một bọn chuyên-môn với nhau. Bởi thế nên phần nhiều các nhà triết-học Pháp đều là nhà văn hay cả, vì muốn công-bố cái tư-tưởng của mình cho đắc-lực, tất phải biết khéo diễn-giải ra cho người ta dễ nghe và dễ hiểu. Thực là trái với các nhà triết-học Đức, thường dùng một lối văn kỳ-khu trắc-trở, ngoài bọn nhà nghề ai xem cũng

phải chán.—Triết-học Pháp lại còn có một cái đắc-tính nữa, là nó tiêm-nhiễm cả các môn học khác. Nhà triết-học thường kiêm cả văn-học, nhà văn-học cũng không mấy khi là không có tư-cách về triết-học. Những tay văn-hào như BOSSUET, VOLTAIRE (1), LAMENNAIS (2), TAINE (3),

---

(1) VOLTAIRE (1694-1778), văn-hào nước Pháp, trước-tác rất nhiều, kiêm đủ các lối văn-chương, tư-tưởng rộng-rãi, ảnh-hưởng về thế-kỷ thứ 18 sâu-xa lắm, thật đã có công tạo-nhân ra cuộc Đại-Cách-mệnh năm 1789 về sau. — Người Tàu dịch tên ông là Phúc-lộc-đặc-nhĩ.

(2) LAMENNAIS (1782-1854), văn-sĩ nước Pháp về phái Gia-tô. Trước đi tu làm nhà thầy, sau bỏ Giáo-hội mà khuynh-hướng về chủ-nghĩa dân-chủ. Làm sách *Essai sur l'indifférence en matière de religion* (Luận về lòng lãnh-đạm đối với tôn-giáo), sách *Les Paroles d'un croyant* (Lời tự-tình của một người tin đạo), *Le Livre du peuple* (Sách bình-dân), v. v.

(3) TAINE (1828-1893), nhà triết-học và sử-học nước Pháp. Về triết-lý, ông tin ở khoa-học có thể khám-phá được chân-lý; lại xướng ra cái thuyết về sự ảnh-hưởng của hoàn-cảnh. Về sử-học, ông có soạn một bộ sách có giá-trị về « Cỗi rễ nước Pháp ngày nay » (*Les Origines de la France contemporaine*). Ông cùng với ông RENAN là hai nhà tư-tưởng có ảnh-hưởng sâu-xa ở nước Pháp về hậu-bán thế-kỷ thứ 19.

RENAN [1], thực có thể liệt bằng-đẳng với những nhà triết-học trứ-danh được. Không kể mấy tay ấy, đến những nhà thuần văn-chương như CORNEILLE, MOLIÈRE, RACINE [2], mỗi nhà cũng có một cái « triết-học » riêng, tức là một cái quan-niệm về vũ-trụ, về người ta, triết-học ấy tản-mạn trong khắp sách-vở của mỗi nhà. Triết-học Pháp cũng tiêm-nhiễm cả khoa-học nữa. Không những lệ thường ở nước Pháp xưa nay các nhà triết-học đều có thiệp-liệp về « cách-trí » cả; lắm nhà đại-triết-học lại vừa là những tay khoa-học đại-danh nữa, như DESCARTES, PASCAL,

---

(1) RENAN (1823-1892), văn-hào nước Pháp, kiêm ngữ-học và triết-học. Ngoài các sách văn-chương và triết-lý, ông lại xuất-bản những sách về cỗi-rễ đạo Thiên-chúa, thứ nhất là một bộ lược-sử về Gia-tô Cơ-đốc (*Vie de Jésus*), khi mới xuất-bản ra, thiên-hạ nghị-luận nhiều lắm. Tư-tưởng ông uyển-chuyển, không có khắc-khổ như ông TAINE, mà văn-chương mềm-mại bóng-bẩy. Thủa trẻ ông có học ở nhà đạo, đã rắp chí tu-hành, sau lìa Giáo-hội ra ngoài.

(2) RACINE (1639-1699), thi-hào nước Pháp, cùng với CORNEILLE là hai tay soạn bi-kịch có tài. Văn RACINE có vẻ diễm-lệ và cảm-động hơn văn CORNEILLE. Ông có soạn những bài tuồng *Andromaque*, *Phèdre*, v. v.

Auguste Comte [1], Cournot [2], Claude Bernard [3], Henri Poincaré [4]. Khoa-học và triết-học đắp-đổi cho nhau như thế, được lợi cả hai đàng. Nhà triết-học trong khi quan-niệm về nguyên-lý, lấy thực-tế làm căn-cứ,

---

(1) Auguste Comte (1782-1837), nhà triết-học nước Pháp, sáng-lập ra cái học-thuyết về thực-nghiệm hay là thực-chứng-chủ-nghĩa (*positivisme*). Theo học-thuyết này thì triết-học không phải là bàn về những lý-tưởng viển-vông, phải quan-sát về thực-tế xã-hội mà dạy cho người ta cách ăn ở trên đời. Sách « Thực-nghiệm Triết-học » (*Cours de Philosophie positive*) của ông là một bộ sách quan-trọng đệ-nhất về triết-học cận-đại.

(2) Cournot (1801-1877), nhà triết-học, kiêm số-học và kinh-tế-học nước Pháp. Ông từng nghiên-cứu về phép tính độn (*calcul des probabilités*) và cách ứng-dụng phép ấy ra kinh-tế-học và chính-trị-học. Có làm sách về « Sự may rủi » (*la Chance*).

(3) Claude Bernard (1813-1878), nhà sinh-lý-học nước Pháp, dùng cách thí-nghiệm mà phát-minh được nhiều điều mới lạ về sinh-lý của thân-thể người ta. Ông là một người đại-biểu trứ-danh cho phái khoa-học thực-nghiệm về thế-kỷ thứ 19.

(4) Henri Poincaré (1854-1912), nhà số-học kiêm triết-học nước Pháp, đã sáng-nghĩ ra một phép phân-tích (*analyse*) mới, ứng-dụng được về động-học, lý-học và thiên-văn-học. Ông có làm sách phê-bình về giá-trị của khoa-học (*La valeur de la Science, Science et Hypothèse*).

không sợ tư-tưởng những sự hoang-đường. Nhà khoa-học trong khi nghiên-cứu về vật-chất, lấy nguyên-lý làm qui-nạp, không sợ mê-man những sự phiền-toái.

Một cái đặc-tính nữa của triết-học Pháp, là không ưa những lối trừu-tượng đọc-đoán. Ngồi không mà kết-cấu những « lâu-đài tư-tưởng », không nương tựa vào cái gì chắc-chắn, không căn-cứ vào cái gì vững-vàng, ấy là lối các nhà triết-học Đức. Nhà triết-học Pháp thì chỉ chủ sự thiết-thực cho đời người; không phải rằng không có tài kết-cấu bằng người Đức, DESCARTES nước Pháp cũng có thể sánh với KANT [1] nước Đức, AUGUSTE COMTE

---

(1) KANT (1724-1804), nhà đại-triết-học nước Đức, sinh ở thành *Kœnigsberg*. Soạn mấy bộ sách rất quan-trọng về triết-học: « Phê-phán về thuần-túy lý-tính » (*Critique de la raison pure*), « Phê-phán về thực-tiễn lý-tính » (*Critique de la raison pratique*), « Phê-phán về trí phán-đoán » (*Critique du jugement*). Ông có cái chí muốn cải-cách cả nền triết-học. Ông lấy nhất-thiết hoài-nghi làm khởi-điểm, kết-luận lấy thực-tiễn-lý-tính làm căn-cứ cho chân-lý, cho rằng ở đời chỉ có một lẽ tuyệt-đích, là « phép luân-lý » (*loi morale*); phép luân-lý tức là cái « mệnh-lệnh tuyệt-đối » (*impératif catégorique*), linh-hồn, Thiên-chúa cũng bắt-ngoại ở đó mà ra. Ông thật là một bậc vĩ-nhân trong cõi học, không phải riêng của một nước Đức, thực là chung của cả thế-giới vậy. — Tàu dịch tên ông là Khang-đức.

sánh với HEGEL [1], không kém gì. Nhưng người Pháp dựng ra một cái học-thuyết nào, không có tự bó-buộc và hình như giam mình vào trong học-thuyết ấy, không dám thoát ra ngoài để quan-sát sự-vật ra một phương-diện khác nữa. Người Pháp trọng sự tự-do, biết rằng cái chân-lý có năm bảy đường tới được, đường nào cũng là chính-đáng cả, không bắt ai phải theo một đường nào. Bởi thế mà triết-học nước Pháp vẫn có cái tính thiết-thực hơn triết-học các nước khác.

Nói rút lại thì nhà triết-học Pháp kỵ nhất là lối tư-tưởng hoang-đường mà trọng nhất là những vấn-đề thiết-yếu cho người ta. Trong cái kho bí-mật của trời đất, nhà triết-học Pháp lấy cái bí-tàng về tâm-tính người ta là cái nên chú-ý nghiên-cứu trước nhất. Cái bí-tàng ấy mà giải được, tức là giải được nghĩa đời người. Thế chẳng hơn là lấy tư-tưởng làm con cờ mà

---

(1) HEGEL (1770-1831), nhà triết-học nước Đức có ảnh-hưởng rất sâu-xa trong triết-học Âu-châu. Học-thuyết của ông là cái học-thuyết « thuần-túy lý-tưởng » (*idéalisme absolu*), cho muôn sự muôn vật, dẫu hiện-tượng phản-trái mà lý-tưởng cũng là một, đều gồm trong lý-tưởng hết cả. Sách quan-trọng nhất của ông là sách « Lý-luận-học » (*La Science de la Logique*). — Tàu dịch tên ông là Hắc-chí-nhi.

đem cái nọ chọi với cái kia trên bàn cờ vô-hình dư ? Thế chẳng hơn là lấy tư-tưởng làm viên gạch, chồng viên nọ lên viên kia mà xây cái lâu-đài trên bãi cát dư?

Ông GIRAUD nói : « Dạy cho người ta biết làm người, làm người một cách hoàn-toàn, thâm-thiết ; bản-tính người ta thế nào, coi như thế, đừng quá trọng, cũng chớ quá khinh, đừng suy-tôn quá cũng chớ hạ-miệt hoài ; phải nhận biết cái giới-hạn của nó, phải phát-siển cái tiềm-lực của nó, phải điều-hòa sự mâu-thuẫn của nó ; ấy tôn-chỉ của triết-học nước Pháp từ xưa đến nay là thế, tôn-chỉ ấy các nhà triết-học Pháp đã truyền-bá ra khắp thế-giới. Thiên-hạ còn có cái triết-học khác cao-kỳ hơn ; đâu có cái triết-học nào khôn-ngoan, nhũn-nhặn, mà quảng-đại bằng ? »

Thế là triết-học nước Pháp cũng có cái đặc-tinh thuộc về nhân-đạo vậy.

* * *

Thứ xét đến tôn-giáo.

Đại-để có thể nói triết-học là tôn-giáo của bọn trí-thức, mà tôn-giáo là triết-học của người bình-thường. Người bình-thường là số nhiều trong một nước ; vậy thì tôn-giáo chính là tiêu-biểu cho cái lòng hi-vọng chung của một dân một nước.

Nước Pháp từ xưa đến nay vẫn lấy đạo « La-mã Thiên-chúa » làm quốc-giáo. Đạo Thiên-chúa thực đã có công trong sự gây-dựng ra nước Pháp, trong sự giáo-hóa người dân Pháp; mà nước Pháp, người Pháp, từ đời Trung-cổ đến giờ cũng có công to với Giáo-hội, xưa đã được tiếng gọi là « con gái trưởng của Giáo-hội » (*la fille aînée de l'Eglise*). Như thế thì đạo Thiên-chúa thực là có thanh-khí với người Pháp, có cái nhân-duyên sâu-xa với dân Pháp vậy.

Nay đạo Thiên-chúa ở nước Pháp có những đặc-tính gì? Chắc rằng những điều đại-cương giáo-lý thì ở nước nào cũng vậy. Nhưng đại-để cùng một đạo, ở mỗi nước cũng có khác nhau nhiều. Như đạo Thiên-chúa ở nước Ý-đại-lợi thì thiên-trọng về bề mĩ-thuật, đạo Thiên-chúa ở nước Tây-ban-nha thì thiên-trọng về bề thần-bí. Đến như đạo Thiên-chúa ở nước Pháp thì lại thiên-trọng về bề xã-hội vậy. Ông Bossuet đã giải đạo Thiên-chúa là cái dây liên-lạc trong xã-hội, không những là liên-lạc người một đời với nhau, mà lại liên-lạc cả người đời này với người đời trước, với người đời sau nữa; không những là liên-lạc người một nước với nhau, mà liên-lạc cả người nước nọ với người nước kia, hết thảy người ta trong thế-giới nữa. Cái chí lớn của đạo Thiên-chúa ở nước Pháp,

không những là muốn gây thành lấy một cái đoàn-thể tinh-thần ở trong cái đoàn-thể quốc-gia mà thôi ; lại còn muốn khuếch-trương cái đoàn-thể ấy ra khắp thế-giới mà dựng lên như trong kinh thánh gọi là một cõi « Thiên-quốc » (*la cité de Dieu*) ở trong nhân-gian vậy. Cứ xem tổng-số những giáo-sĩ đi truyền đạo La-mã Thiên-chúa, ba phần đến hai phần là người Pháp, thì đủ chứng rằng cái chí to-tát ấy không phải là một sự mơ-tưởng hư-không vậy.

Như thế thì Thiên-chúa-giáo của nước Pháp còn vị chung cả loài người hơn là vị riêng một nước mình. Thực là hợp với cái tôn-chỉ « cứu-thế » của đạo Thiên-chúa vậy.

Nói rút lại thì đạo Thiên-chúa của nước Pháp có mấy cái đặc-tính khác với đạo Thiên-chúa của các nước, mà tiêu-biểu cho cái tinh-thần riêng của nước Pháp. Ông GIRAUD giải cái đặc-tính ấy như sau này :

« Thiên-chúa-giáo của nước Pháp bao giờ cũng chủ nhất một điều, là tăng-tiến cái giá-trị về « phần hồn », cái phẩm-cách của người ta. Nên chuộng những công-nghiệp có ích cho xã-hội hơn là sự tu-hành riêng của từng người. Chính kẻ tu-hành ở nước Pháp cũng không phải là tu-hành lấy một mình, bao giờ cũng muốn cầu lấy ích-lợi cho nhân-quần xã-

hội. Bởi thế nên nhà tôn-giáo nước Pháp không hứng những cuộc thảo-luận huyền-diệu về thần-học, những sự khảo-cứu tỉ-mỉ về thánh-thư, những sự lễ-bái phiền-phức mà cầu-kỳ, như nhà tôn-giáo các nước khác. Nhà tôn-giáo nước Pháp chỉ bằng-cứ ở lẽ phải thông-thường mà vụ những điều cốt-yếu ; lòng tín-ngưỡng giản-phác mà thiết-thực ; lại biết trọng về tâm-lý người ta hơn là những chuyện mơ-tưởng ở ngoài ; nhiệt-thành muốn truyền cái lòng tin của mình cho người khác ; nhất là giàu lòng từ-bi bác-ái vậy. »

Gồm bấy nhiêu cái đặc-tính, chẳng phải là tóm lại một chữ « nhân-đạo » dư ?

Bởi vậy nói tôn-giáo nước Pháp cũng là chủ nhân-đạo vậy.

* * *

Thứ xét đến lịch-sử chính-trị.

Một nước có văn-chương, triết-học, tôn-giáo hay cũng chưa đủ ; phải có lịch-sử tốt đẹp mới đủ phát-siển cái hay ấy ra.

Lịch-sử nước Pháp thực là xứng-đáng với văn-chương, triết-học, tôn-giáo nước Pháp vậy.

Nước Pháp lập-quốc sớm, sớm đã tự nhận-chân mà biết có tư-cách trở nên một nước lớn. Từ đời Trung-cổ cuộc nhất-thống trong nước đã tiệm thành, tuy chưa được hoàn-toàn

nhưng cái cơ-sở đã có. Gây nên cuộc nhất-thống ấy, đã phải từng-trải nhiều phen chiến-tranh. Nước Pháp ngày xưa đã có tiếng là nước thượng-võ, đã từng biết đủ các lối chiến-tranh ; chiến-tranh để tự-vệ, chiến-tranh để chinh-phục, chiến-tranh để giữ cái thế quân-bình, chiến-tranh để dương cái sức bành-trướng, chiến-tranh để đồ đế-quyền, chiến-tranh để đi truyền-bá; nhưng đại-để những sự chiến-tranh ấy chỉ chủ một mục-đích là làm cho vững bền cái vận nước vậy. Nhân củng-cố thế-lực riêng của mình mà thường giữ được thế quân-bình cho cả Âu-châu. Vì cái chính-sách của nước Pháp xưa nay vẫn là cầm-giữ ngăn-ngừa những nước lớn khác không được xâm-phạm đến bờ-cõi, đến quyền độc-lập của các nước nhỏ để chiếm lấy phần hơn trong lục-địa Âu-châu. Chính-sách ấy vẫn mưu lấy nước nọ mà hạn-chế nước kia, khiến cho thế-lực các nước ngang nhau, mỗi nước được tự-do mà phát-siển quốc-túy, theo đuổi sự-nghiệp riêng của mình. Bởi thế cho nên khi nào có một nước hay một vua hùng-cường khởi lên muốn đoạt các nước khác, để cướp lấy cái thế-lực to hơn, thì nước Pháp cũng can-thiệp vào đánh, cố giữ lấy thế quân-bình cho Âu-châu. Xem như mấy phen nước Pháp đánh nhau với nhà vua Tây-ban-nha cùng nhà vua

Áo-đại-lợi thì đủ biết vậy ; chắc rằng trong những trận ấy nước Pháp cũng có cái lợi riêng của mình, nhưng bao giờ cái lợi riêng ấy cũng là ám-hợp với lợi chung của Âu-châu, nên lần nào nước Pháp được thắng trận là hồi ấy Âu-châu được thái-bình. Nước Pháp không những giữ cho các nước được quyền tự-do độc-lập mà lại còn đem tiền đem người đi giúp nhiều nước để khôi-phục lại cái quyền tự-do độc-lập đã bị mất. Nước Mĩ được độc-lập cũng là nhờ có nước Pháp nhiều. Nước Ý được thống-nhất thực là bởi công người Pháp. Nước Hi-lạp thoát-li được quyền áp-chế người Thổ-nhĩ-kỳ, chẳng phải là may mà được người Pháp can-thiệp vào giúp dư ? Nước Pháp có công với các nước Âu-Mĩ như thế, là bởi vốn có cái tài khéo điều-hòa lợi riêng của mình với lợi chung của các nước vậy.

Hoặc có người chê nước Pháp đi viễn-chinh để lấy thuộc-địa là trái với cái lý-tưởng nhân-đạo. Song phải biết tình-thế các nước Âu-châu, đến ngày đã thừa sức mạnh tất muốn khuếch-trương thế-lực ra ngoài, nước nọ có thuộc-địa, nước kia cũng phải có, ngõ-hầu mới giữ được cái thế quân-bình trong liệt-cường. Nước Pháp đi lấy thuộc-địa cũng là lẽ tất-nhiên, không thể không làm như các nước khác để giữ lấy cái địa-vị của mình trên thế-giới vậy. Vả

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R F IMPRIMÉS

cứ so-sánh cách cai-trị thuộc-địa của nước Pháp với các nước khác, như nước Anh, thì dẫu trong sự-nghiệp xâm-lược cũng không phải là tuyệt-nhiên không có cái khí-vị nhân-đạo vậy.

Suốt lịch-sử nước Pháp là minh-chứng rằng nước ấy từ xưa đến nay vẫn biết ham-mê những việc nghĩa chung về văn-minh, về thế-giới. Hồi giặc Hung-nô xâm-nhập Âu-châu, bấy giờ nước Pháp chưa thành nước Pháp, mà đã ngăn-ngừa được quân giặc phải lui về, khiến cho công-cuộc văn-minh Âu-châu đời bấy giờ khỏi phải chìm-đắm vào trong cái làn sóng dã-man đã theo chân quân rợ-mọi mà tràn sang vậy. Lại hai thế-kỷ về sau, giặc Hồi-hồi tiến sang Nam-bộ Âu-châu, nước Pháp cũng phá tan được ở đồng bằng *Poitiers*, cứu được đạo Thiên-chúa khỏi cái nạn dị-đoan. Lại mới rồi quân Đức tràn sang như nước lụt, đến bờ sông *Marne* người Pháp cũng ngăn cầm lại được, tự cứu cho mình mà lại vừa cứu cho cái văn-minh cũ La-Hi khỏi đắm đuối vào trong cái văn-hóa mới của giống Nhật-nhĩ-man vậy.

Xét như thế thì lịch-sử nước Pháp vốn có cái tính-cách rộng-rãi, không phải chỉ khư-khư vị một mình. Không những khi đối với ngoài mới có cái tính-cách ấy; việc riêng trong

nước cũng vậy. Tựa-hồ như có cái sức phản-chiếu ra ngoài rất mạnh, phàm cử-động việc gì, dẫu chỉ quan-hệ đến một mình, cũng có ảnh-hưởng ra ngoài, nước khác thường nhân đấy lấy làm gương, theo đòi mà bắt chước. Cứ xét một cuộc Đại Cách-mệnh năm 1789 thì đủ biết ảnh-hưởng ấy sâu-xa là dường nào. Cái cuộc cách-mệnh này, bất-quá là một việc cử-động để phá đổ cái quân-chủ-chính-thể cũ ở nước Pháp, để đặt dân-chủ-chính-thể mới mà thôi, tưởng cũng là một việc nội-biến thường, không có quan-hệ gì đến thế-giới. Bởi đâu mà mới nổi lên đã kích-động cả toàn Âu ? Chẳng phải là bởi cuộc cách-mệnh ấy tuy là việc chính-biến riêng của một nước mà hàm có cái ý-nghĩa chung quan-hệ đến cả nhân-loại dư ? Sau khi phá được nhà ngục *Bastille*, ngày 27 tháng tám năm 1789, hội « Lập-hiến » (*la Constituante*) bá-cáo tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn », xướng lên rằng phàm làm người ai cũng phải được tự-do bình-đẳng cả. Lời tuyên-ngôn ấy gồm chung cả nhân-loại, không phải chỉ riêng một người nước Pháp. Bởi cái tính-cách đại-đồng ấy mà cuộc Cách-mệnh năm 1789 đã có ảnh-hưởng to rộng như thế. Lời « Nhân-quyền tuyên-ngôn » ấy đã được một nhà sử-học gọi là « kinh Phúc-âm của thời-đại mới » vậy,

Thế là lịch-sử nước Pháp cũng như văn-chương, triết-học, tôn-giáo, cũng hám có cái lý-tưởng nhân-đạo vậy.

*
* *

Nói tổng-kết lại thì nhân-đạo (*humanité*) là cái đặc-tính hiền-nhiên, cái tinh-thần cố-hữu của văn-minh học-thuật nước Pháp. Suy-diễn ra cũng một cái đặc tính ấy, qui-nạp lại cũng một cái tinh-thần ấy.

Cả bài đại-luận của ông VICTOR GIRAUD là biện-thuyết chứng-giải về một cái lý-tưởng « Nhân-đạo » đó, lời-lẽ nghiêm-trang mà thiết-thực, tiếc không thể tóm-tắt được hết ý, đây gọi là thuật qua đại-khái để giới-thiệu cùng chư-độc-giả vậy.

TỰ-VỰNG

Quốc-ngữ — Chữ Hán — Chữ Pháp

(Thích nghĩa những chữ mới dùng trong sách này)

Ảnh-hưởng 影響 = Chính nghĩa là cái bóng cái vang. Dùng nghĩa bóng để chỉ cái thế-lực vô-hình của vật nọ đối với vật kia, người nọ đối với người kia. — INFLUENCE ; EXERCER UNE INFLUENCE.

Bảo-tàng-viện 寶藏院 = Nhà chứa và bày những đồ qui, nhất là đồ mĩ-thuật. — MUSÉE D'ART.

Bạt-chúng 拔衆 = Ra ngoài công-chúng, lỗi-lạc khác thường. — QUI SORT DE L'ORDINAIRE.

Bí-tàng 秘藏 = Sự bí-hiểm trong khoa-học hay của tạo-vật chưa thể phá giải ra được. — SECRET (de la science, de la nature).

Biểu-hiệu 表號 = Cái gì nêu ra để làm hiệu, có ngụ một cái ý-nghĩa gì. — SYMBOLE.

Cá-nhân 箇人 = Nói về người ta đứng đơn-độc một mình, đối với gia-đình, với xã-hội, là gom-góp nhiều người. — INDIVIDU, INDIVIDUALITÉ.

Cảm-động 感 動 = Nhân có cảm về sự gì mà động đến lòng thương. — EMOTION.

Cảm-giác 感 覺 = Vật ngoài cảm vào ngũ-quan mà thấu đến tâm-trí, gọi là cảm-giác, nghĩa là cảm biết.— SENSATION ; IMPRESSION.

Cảm-phục 感 服 = Nhân cảm-động đến thần-trí mà chịu phục là hay là tài.— ADMIRATION.

Can-thiệp 干 涉 = Tự-ý tham-dự vào việc gì. — INTERVENIR.

Cố-hữu 固 有 = Vốn có sẵn, không phải ở ngoài đem vào. — QUI APPARTIENT EN PROPRE ; INNÉ, NATUREL.

Cổ-động 鼓 動 = Chính nghĩa là đánh trống khua động lên. Nghĩa bóng là vận-động cho nhiều người biết mà theo một cái chủ-nghĩa, một sự hành-động gì.— FAIRE DE LA PROPAGANDE.

Cộng-sản-chủ-nghĩa 共 產 主 義 = Chủ-nghĩa mưu sự hạnh-phúc cho loài người bằng cách quân-phân của-cải cho không có kẻ giàu kẻ nghèo nữa. — COMMUNISME.

Cơ-đốc 基 督 = Dịch âm chữ tây *Christ*, nghĩa là đấng cứu-thế, tức là đức chúa Giê-su trong đạo Thiên-chúa. Chúa Giê-su dịch là « Gia-tô-Cơ-đốc » (*Jésus-Christ*) ; đạo Thiên-chúa dịch là « Cơ-đốc-giáo » (*Christianisme*).

Cự-phách 巨 擘 = Chính nghĩa là ngón tay cái. Nghĩa bóng là người lỗi-lạc khác thường, người có danh-giá tài-cán hơn cả. — SE DIT

D'UN HOMME DE TALENT, D'UNE CÉLÉBRITÉ LITTÉRAIRE, ARTISTIQUE.

Cực-đoan 極 端 = Chỗ đầu cùng, đến đấy là hết. Nói rộng nghĩa là suy lẽ gì đến cùng-cực, làm việc gì đến kịch-liệt. — EXTRÊME ; EXTRÊMISTE.

Châu-tuần 周 旋 = Chính nghĩa là đi đứng loanh-quanh, có ý khúm-núm, giữ lễ-phép. Nói rộng nghĩa là quanh-quẩn ở chỗ giao-thiệp, chăm-chút về việc thù-ứng, để mưu cầu công việc gì. — SE DIT D'UN HOMME INTRIGANT.

Chế-độ 制 度 = Nói chung về luật-lệ phép-tắc trong một nước. — INSTITUTIONS (politiques et sociales d'un pays).

Chi-phối 支 配 = Sai khiến, chỉ bảo, sắp đặt, cai quản. — DIRIGER, RÉGENTER, RÉGIR.

Chinh-phục 征 服 = Đem quân đi đánh mà lấy được. — CONQUÉRIR, CONQUÊTE.

Chính-biến 政 變 = Việc biến về chính-trị, có quan-hệ đến chính-thể. — CHANGEMENT POLITIQUE COUP D'ETAT.

Chính-tỉ-lệ 正 比 例 = So đường thẳng (Xem lời chú ở trang 29). — RAISON DIRECTE.

Chính-thể 政 體 = Hình-thể chính-trị một nước, như quân-chủ, dân-chủ, v. v. — FORME POLITIQUE (d'un pays).

Chuyên-chế 專 制 = Người đứng đầu trong nước được có quyền vô-hạn, tự ý muốn làm gì thì làm. — POUVOIR ABSOLU ; ABSOLUTISME.

dân-tộc chủ-nghĩa 民族主義 = Chủ-nghĩa cho các dân-tộc được sinh-tồn tự-do. — PRINCIPE DES NATIONALITÉS.

Dị-đoan 異端 = Nói về những sự tư-tưởng tín-ngưỡng trái với chính-đạo. — SE DIT DES IDÉES OU CROYANCES HÉTÉRODOXES.

Du-mục 游牧 = Nói về những dân chuyên nghề mục-súc, thường đi tìm nơi có cỏ cho giống vật ăn, không có chỗ ở nhất-định. — PASTEURS NOMADES.

Dư-luận 輿論 = Lời bàn chung của công-chúng. — OPINION PUBLIQUE.

Đào-tạo 陶造 = Nung đúc cho thành. — FORMER, CRÉER.

Đào-thải 陶汰 = Lọc bỏ đi. — ELIMINER.

Đặc-sắc 特色 = Mầu sắc riêng; vẻ đẹp, vẻ lạ. — ORIGINALITÉ.

Đặc-tính 特性 = Tính-cách riêng, phân-biệt với cái khác. — CARACTÉRISTIQUE.

Đế-quốc 帝國 = Nước có vua xưng đế. Nước có sức mạnh chinh-phục kiêm-tính đất nước ngoài cũng gọi là đế-quốc. — EMPIRE.

Đoàn-thể 團體 = Họp nhiều người lại thành một đoàn có tính-cách chung. Nói rộng là cái nghĩa người ta có liên-lạc quan-hệ với nhau nên phải xum-họp cùng nhau. — COLLECTIVITÉ, CORPS CONSTITUÉ ; — par extension : SENTIMENT DE SOLIDARITÉ.

Độc-đoán 獨 斷 = Tự mình phán-đoán, cứ ý riêng mà đoán-định. — ARBITRAIRE ; DESPOTIQUE.

Độc-thần 獨 神 = Nói về đạo thờ một vị thần chúa-tể. — MONOTHÉISTE.

Đối-chiếu 對 照 = So-sánh xem có hợp nhau không. — CONFRONTER, COMPARER.

Động-cơ 動 機 = Bộ-phận trong máy làm cho máy chuyển-động. — MOTEUR.

Động-học 動 學 = Khoa-học về sự động-tĩnh của các vật. — MÉCANIQUE.

Động-lực 動 力 = Sức làm cho chuyển-động. — FORCE MOTRICE.

Đơn-cử 單 舉 = Lấy một việc mà nói riêng ra. — PRENDRE ISOLÉMENT (un fait).

Đương-đạo 當 道 = Nói về kẻ đương cầm quyền chính-trị. — LES HOMMES AU POUVOIR.

Giai-cấp 階 級 = Chính nghĩa là thềm bậc. Dùng để chỉ các bậc người trong xã-hội, có phân-cách nhau. — CASTE.

Giải-phẫu-học 解 剖 學 = Môn học mổ cắt thân-thể ra để xét về thể-chất các cơ-quan. — ANATOMIE.

Giải-phóng 解 放 = Cởi thả cho được tự-do. — LIBÉRATION, ÉMANCIPATION.

Giải-quyết 解 決 = Quyết định cho xong một điều khó-khăn gì, một cái vấn-đề gì. — RÉSOUDRE UNE DIFFICULTÉ, SOLUTIONNER UNE QUESTION.

Gián-tiếp 間 接 = Không có ngay hẳn, còn có cách một từng. — INDIRECT ; INDIRECTEMENT.

Giao-hiếu 交好 = Nói về hai nước đi lại với nhau một cách thân-thiện. — RELATIONS D'AMITIÉ (entre deux pays).

Giao-tế 交際 = Nói chung về người ta đi lại với nhau trong xã-hội. — RELATIONS SOCIALES.

Giao-thiệp 交涉 = Nói chung về các nước đi lại bàn-bạc công việc với nhau. — RELATIONS DIPLOMATIQUES (entre nations).

Giáo-hội 教會 = Hội tôn-giáo. Nói riêng về đoàn-thể đạo Gia-tô. — ASSOCIATION RELIGIEUSE ; L'EGLISE CATHOLIQUE.

Giáo-lý 教理 = Các lẽ nhất-định về tôn-giáo, bắt buộc phải theo, không được nghị-luận. — DOGME RELIGIEUX.

Hí-kịch 戲劇 = Lối diễn-kịch lấy điều-cợt sự đời làm trò cười. — COMÉDIE, GENRE COMIQUE.

Hiểm-tượng 險象 = Cảnh-tượng nguy-hiểm. — DANGER, PÉRIL.

Hiến-pháp 憲法 = Phép chính trong một nước, định về chính-thể nước ấy. — LOI CONSTITUTIONNELLE, CONSTITUTION (d'un pays).

Hiện-tượng 現象 = Có hai nghĩa : nghĩa phổ-thông là hình-trạng xuất-hiện ra người, sự-thực mắt người trông thấy ; nghĩa triết-học là phàm cái gì giác-quan người ta cảm mà biết được, đối với «thực-thể» là cái gì vốn vẫn có, dẫu giác-quan có cảm hay không cảm mặc lòng. — Nghĩa trên dịch ra tiếng tây là : RÉALITÉ, APPAPENCE. Nghĩa dưới dịch là :

PHÉNOMÈNE, đối với « thực-thể » là : NOUMÈNE, SUBSTANCE.

Hiệu-lực 效力 = Có hai nghĩa : 1° Hết sức làm cho được việc. — SE DÉVOUER ; 2° Có công-hiệu hẳn-hoi. — EFFICIENT, EFFICACE.

Hoàn-cảnh 環境 = Cảnh chung quanh có ảnh-hưởng đến người ta về đường vật-chất hay về đường tinh-thần. — MILIEU, AMBIANCE.

Hoàng-kim thời-đại 黃金時代 = Thời-đại loài người được sung-sướng. Nói rộng là đời thịnh-vượng nhất. — ÂGE D'OR.

Hối-đoái 匯兌 = Việc buôn-bán giao-dịch tiền bạc cùng ngân-phiếu trái-phiếu. — LE CHANGE.

Hùng-biện 雄辯 = Tài biện-thuyết giỏi. — ELOQUENCE.

Hữu-sinh-vật 有生物 = Vật có sống, có cơ-quan sống được. — ÊTRE VIVANT, CORPS ORGANIQUE.

Kiến-trúc 建築 = Xây dựng. Nói riêng về thuật xây dựng nhà cửa cầu cống. — CONSTRUCTION ; GÉNIE CIVIL ; ARCHITECTURE.

Kinh-doanh 經營 = Mưu tính để làm công việc gì. — ENTREPRENDRE UNE ŒUVRE, UNE AFFAIRE.

Kinh-tế 經濟 = Nói chung về sự làm ăn của người ta trong xã-hội. Nói riêng về khoa-học xét cách lợi-dụng các hóa-vật trong xã-hội để thỏa-mãn sự cần-dùng của người ta về đường sinh-hoạt. — ECONOMIE POLITIQUE ; ÉCONOMIQUE.

Khoa-học 科學 = Phàm nghiên-cứu về sự-vật có phương-pháp nhất-định, có thống-hệ hẳn-hoi,

và chia ra các khoa chuyên-trị đến nơi đến chốn, gọi là khoa-học. — La SCIENCE ; UNE SCIENCE : SCIENTIFIQUE.

Khuếch-trương 擴張 = Mở-mang cho rộng-rãi to-tát ra. — DÉVELOPPER, DONNER DE L'EXTENSION, ÉTENDRE.

Khuynh-đảo 傾倒 = Đánh đổ đi, làm cho ngã xuống. — RENVERSER, FAIRE TOMBER.

Khuynh-hướng 傾向 = Nghiêng theo về một đường nào. — INCLINATION, TENDANCE, PENCHANT.

Khủng-hoảng 恐慌 = Hốt-hoảng lo-sợ. Nay thường dùng để chỉ những khi có sự nguy-hiểm về kinh-tế hay về chính-trị. — CRISE (politique, économique...)

Lãng-mạn 浪漫 = Phóng-khoáng tự-do, không chịu bó-buộc về kỷ-luật. Dùng riêng để chỉ lối văn-chương hay mĩ-thuật không câu-nệ lề-lối cũ, muốn phá cách làm mới lạ. — ROMANTIQUE.

Lao-động 勞働 = Nói chung về sự làm-lụng khó nhọc. Nói riêng về kẻ làm-lụng khó nhọc mới có ăn. đối với bọn « tư-bản » là kẻ không phải lao-lực mà có của. — TRAVAIL, PROLÉTARIAT.

Lập-hiến 立憲 = Nói về chính-thể có đặt hiến-pháp để hạn định chủ-quyền trong nước. — CONSTITUTIONNEL.

Lập-pháp 立法 = Thuộc về quyền đặt pháp-luật trong nước. — LÉGISLATIF.

Lý-học 理學 = Có hai nghĩa: một nghĩa cũ là các môn học về nghĩa-lý (SCIENCES PHILOSOPHIQUES, SPÉCULATIVES); một nghĩa mới thời hoặc chỉ chung về các khoa-học tự-nhiên (SCIENCES DE LA NATURE), hoặc chỉ riêng về khoa vật-lý-học (LA PHYSIQUE).

Lý-hội 理會 = Suy lẽ mà hiểu thấu. — COMPRENDRE PAR LE RAISONNEMENT; PÉNÉTRER LE SENS, LA RAISON D'UNE CHOSE.

Lý-tưởng 理想 = Cứ lý mà tưởng ra thế nào là thật hay thật tốt, để làm mẫu-mực cho sự thực. — IDÉAL.

Liên-bang 聯邦 = Hợp các nước nhỏ lại chung làm một nước lớn. — FÉDÉRATION D'ETATS; FÉDÉRAL, FÉDÉRATIF.

Liên-đái-quan-hệ 連帶關係 = Có cái lẽ ràng buộc lợi hại với nhau, không thể dời nhau được. — SOLIDARITÉ, INTERDÉPENDANCE (entre individus ou entre nations).

Mâu-thuẫn 矛盾 = Chính nghĩa là cái lao và cái mộc, cái mộc để đỡ cái lao. Nghĩa bóng là cái gì phản-trái nhau. Tiếng này thường dùng về triết-học để chỉ cách nghị-luận trước sau không hợp nhau. — CONTRADICTION, ANTINOMIE,

Phạm-vi 範圍 = Chính nghĩa là mẫu khuôn. Dùng nghĩa riêng là để chỉ gồm những sự-vật thuộc về một khoa-học, một nghệ-thuật nào. — DOMAINE (d'une science, d'un art...)

Phản-chiếu 反照 = Chiếu hình-ảnh ra, như cái gương soi vào lại chiếu ra. — REFLETER.

Phản-tỉ-lệ 反比例 = So-sánh ngược lại. (Xem lời chua ở trang 29). — RAISON INVERSE.

Phát-siển (hay là **triển**) 發展 = Mở giãi ra, mở rộng ra. — DÉVELOPPER, ÉTENDRE.

Phân-tích 分析 = Phân-tách một cái vật-chất, hay một điều nghĩa-lý gì. — ANALYSER; ANALYSE ANALYTIQUE.

Phong-kiến 封建 = Là cái chế-độ vua lấy tước và đất cho người có công. Như bên Tàu về đời Chu, trên có Thiên-tử, dưới có chư-hầu, mỗi người biệt-lập một phương, phải triều-cống Thiên-tử; ở Âu-châu thì là cái chế-độ về đời Trung-cổ, chúa nọ phong tước và cắt đất cho chúa kia, có ước phải giúp đỡ lẫn nhau. — FÉODALITÉ; RÉGIME FÉODAL.

Phong-trào 風潮 = Chính nghĩa là gió và sóng. Dùng nghĩa bóng là nói về tư-tưởng bành-trướng ra xô đẩy người ta mạnh như sóng như gió, — COURANT, MOUVEMENT (d'idées).

Phụ-đầu 埠頭 = Nơi bến sông, bến bể, tàu thuyền buôn bán đến đỗ đông. — PORT DE COMMERCE.

Phúc-âm 福音 = Tin lành. Sách kinh đạo Cơ-đốc. — EVANGILE.

Phương-diện 方面 = Một bên một mặt. Có nghĩa là: đứng riêng về một mặt nào mà quan-sát sự-vật. — POINT DE VUE.

Quan-niệm 觀念 = Phàm trí người xem-xét và nghĩ-ngợi, gọi là quan-niệm. — CONCEPTION, CONCEPT, IDÉE.

Qui-nạp 歸納 = Phép suy-lý nhân việc riêng mà kết đến lẽ chung. — INDUCTION, MÉTHODE INDUCTIVE.

Quốc-gia chủ-nghĩa 國家主義 = Chủ-nghĩa lấy nước nhà mình làm tôn-trọng hơn cả. — NATIONALISME.

Quốc-tế chủ-nghĩa 國際主義 = Chủ-nghĩa lấy sự liên-lạc các nước với nhau làm trọng hơn nước nhà mình. — INTERNATIONALISME.

Sinh-lý-học 生理學 = Khoa-học về sự sống và lẽ sinh-hoạt trong các giống vật, thứ nhất là người ta. — PHYSIOLOGIE.

Suy-diễn 推演 = Phép suy-lý nhân lẽ chung suy ra các lẽ riêng. — DÉDUCTION, MÉTHODE DÉDUCTIVE.

Tiêu-chuẩn 標準 = Cái gì làm nêu làm đích. Lẽ gì nêu lên để làm đích, rồi nhân đấy suy ra các lẽ khác. — NORME, POSTULAT.

Tổ-chức 組織 = Sắp đặt cho có giường có mối. — ORGANISATION.

Tôn-chỉ 宗旨 = Điều cốt-yếu, lẽ chính-xác. Nói rộng nghĩa là cái mục-đích mình theo đuổi. — PRINCIPE ESSENTIEL, DOGME FONDAMENTAL ; BUT POURSUIVI.

Tụy-đạo 隧道 = Đường đào ngầm qua núi cho xe lửa chạy. — TUNNEL.

Tuyệt-đích 絕 的 = Cái gì đến thế là tuyệt, không còn gì đối lại được nữa. — *Tuyệt-đối* cũng một nghĩa ấy. — ABSOLU.

Tư-trào 思 潮 = Luồng sóng tư-tưởng, phong-trào triết-lý. — COURANT D'IDÉES, MOUVEMENT PHILOSOPHIQUE.

Thần-kinh-hệ 神 經 系 = Bộ gân để truyền sự cử-động, sự cảm-giác trong thân-thể. — SYSTÈME NERVEUX.

Thị-sảnh 市 廳 = Nhà công-sở của một thành-phố tự-trị. — MAIRIE, HÔTEL DE VILLE.

Thị-trường 市 場 = Nơi chợ buôn-bán, nơi tiêu-thụ hàng-hóa. — MARCHÉ, DÉBOUCHÉ COMMERCIAL,

Thiên-diễn 天 演 = Phép tự-nhiên khiến cho các giống sinh-vật muốn sống được thì phải cạnh-tranh nhau, khỏe được yếu thua. — LOI DE L'ÉVOLUTION, DE LA CONCURRENCE VITALE ; SÉLECTION NATURELLE.

Thiên-kiến 偏 見 = Ý-kiến thiên-lệch, sai-lầm. — PRÉJUGÉ ; PARTI-PRIS.

Thuần-lý 純 理 = Cái gì thuộc về thuần nghĩa-lý, không có gì là thực-dụng. — RAISON PURE ; SPÉCULATION PURE ; MÉTAPHYSIQUE ; SPÉCULATIF.

Thực-nghiệm 實 驗 = Cái gì có chứng-nghiệm rõ-ràng, không phải thuần lý-tưởng. — POSITIF, POSITIVISTE, PRAGMATIQUE.

Thực-tế 實 際 = Thuộc về sự thực hiển-nhiên. — RÉALITÉ ; RÉALISME.

Trung-cổ 中 古 = Thời-đại về lịch-sử ở sau đời Thượng-cổ và trước đời Cận-cổ. Ở Âu-châu là thời-đại từ La-mã-đế-quốc tan (395) cho đến Thổ-nhĩ-kỳ lấy thành *Constantinople* (Quân-sĩ-đán-đinh) năm 1453. — MOYEN AGE.

Trừu-tượng 抽 象 = Cái gì không có hình-tượng, tự suy-nghĩ mà tưởng-tượng ra. — ABSTRACTION, ABSTRAIT.

Vận-hà 運 河 = Sông tự người đào để tiện việc vận-tải, hay để thông liền hai con sông khác với nhau. — CANAL.

Vô-sinh-vật 無 生 物 = Vật không có sinh-hoạt. — CORPS INORGANIQUE.

DẪN-MỤC

Để tra chữ Pháp ra chữ quốc-ngữ

(Muốn biết rõ nghĩa phải xem *Tự-vựng* trên kia. — Chữ nào có đánh số trang là trong bài đã giải nghĩa, có chữ «chú» là có thích nghĩa ở tiểu-chú dưới trang).

Absolu = Tuyệt-đích, tuyệt-đối.
Absolutisme = Chuyên-chế.
Abstrait, abstraction = Trừu-tượng.
Admiration = Cảm-phục.
Âge d'or = Hoàng-kim thời-đại.
Ambiance = Hoàn-cảnh.
Analyse, analytique = Phân-tích.
Anatomie = Giải-phẫu-học.
Antinomie = Mâu-thuẫn.
Antisepsie = Phép trị trùng (trang 41, chú).
Apparence = Hiện-tượng.
Arbitraire = Độc-đoán.
Architecture = Kiến-trúc-thuật.
Aristocratie = Quí-tộc chính-thể (trang 53, chú).
Aristote (trang 34, chú).
Asepsie = Phép phòng-hủ (trang 41, chú).
Aubaine (droit d') = Quyền tịch-thu (trang 66).

Bacon (trang 36, chú).
Barbarie = Bán-khai (trang 10).
Bernard (Claude) (trang 89, chú).

Bernard (Saint) (trang 42, chú).
Bichat (trang 40, chú).
Bossuet (trang 79, chú).
Bourse (La) = Chợ Hối-đoái (trang 69).
Buckle (trang 9, chú).
But = Tôn-chỉ.

Calcul des probabilités = Tính độn (trang 89, chú).
Canal = Vận-hà.
Carbone = Than-chất (trang 16).
Caste = Giai-cấp.
Célébrité (une) = Cự-phách.
Change (le) = Hối-đoái.
Christianisme = Cơ-đốc giáo.
Collectivité = Đoàn-thể.
Comédie = Hi-kịch.
Communisme = Cộng-sản chủ-nghĩa.
Comparer = Đối-chiếu.
Comprendre (par le raisonnement) = Lý-hội.
Comte (Auguste) (trang 89, chú).
Concept, conception, = Quan-niệm.
Confronter = Đối-chiếu.
Conquête = Chinh-phục.
Constitution = Hiến-pháp.
Constituante (La) = Chính-phủ Lập-hiến (trang 46, chú).

Constitutionnel = Lập-biến.
Construction = Kiến-trúc.
Consulat (Le) = Chính-phủ Nhiếp-chính (trang 46, chú).
Contradiction = Mâu-thuẫn.
Convention (La) = Chính-phủ Cứu-quốc (trang 46, chú).

Corneille (trang 82, chú).
Corps constitué = Đoàn-thể.
Corps inorganique = Vô-sinh-vật.
Corps organique = Hữu-sinh-vật.
Cosmopolitisme = Thế-giới chủ-nghĩa.
Courant d'idées = Phong-trào, tư-trào.
Cournot = (trang 89, chú).
Crédit = Tín-dụng (trang 59, chú).
Créer = Đào-tạo.
Crise = Khủng-hoảng.
Cristallisation = Kết-tinh (trang 41, chú).

Danger = Hiểm-tượng.
Danton = (trang 44, chú).
Darwin = (trang 9, chú).
Débouché commercial = Thị-trường.
Déduction = Suy-diễn.
Dégénérescence = Thoái-hóa (trang 10).
Delacroix (trang 51, chú).
Démocratie = Dân-chủ (trang 47).

Descartes (trang 38, chú).
Despotique = Độc-đoán.
Développer = Khuếch-trương ; phát-siển.
Dévouer (Se) = Hiệu-lực.
Directoire (Le) = Chính-phủ Đốc-chính (trang 46, chú).

Dogme fondamental = Tôn-chỉ.
Dogme religieux = Giáo-lý.
Domaine = Phạm-vi.

Economie politique = Kinh-tế.
Edison = (Trang 40, chú).
Efficient = Hiệu-lực.
Efficace = Hiệu-lực.
Eglise = Giáo-hội.
Electro-magnétisme = Từ-điện-học (trang 71).
Eliminer = Đào-thải.
Eloquence = Hùng-biện.
Emancipation = Giải-phóng.
Emotion = Cảm-động.
Empire (Premier) = Đệ-nhất-thứ Đế-chính (trang. 46, chú),
Empire (Second) = Đệ-nhị-thứ Đế-chính (trang 46 chú).

Entreprendre une affaire = Kinh-doanh.
Etats généraux = Tổng Hội-nghị (trang 42, chú).
Etendre, extension = Khuếch-trương, phát-siển.
Etre vivant = Hữu-sinh-vật.

Extrémiste = Cực-đoan.
Evangile = Phúc-âm.
Evolution = Thiên-diễn.

Fédération, fédératif = Liên-bang.
Féodalité = Phong-kiến.
Force motrice = Động-lực.
Forme politique = Chính-thể.
Former = Đào-tạo.
Franklin (trang 10, chú).

Galilée (trang 37, chú).
Génie civil = Kiến-trúc-thuật.
Gibbon (trang 9).
Giraud (Victor) (trang 74, chú).

Hegel (trang 91, chú).
Hétérodoxe = Dị-đoan.
Histologie = Tổ-chức-học (trang 40, chú).
Hôtel de ville = Thị-sảnh.
Humanitarisme = Nhân-loại-chủ-nghĩa (trang 60).
Humanité = Nhân-đạo.

Idéal = Lý-tưởng.
Idée = Quan-niệm.
Impératif catégorique = Tuyệt-đối mệnh-lệnh (trang 90, chú).

Impression = Cảm-giác.
Inclination = Khuynh-hướng.
Indirect = Gián-tiếp.
Individualité = Cá-nhân.
Induction = Qui-nạp.
Infini = Vô-cùng (trang 19, 20).
Influence = Anh-hưởng.
Inné = Cố-hữu.
Institution = Chế-độ.
Interdépendance = Liên-đái-quan-hệ.
Internationalisme = Quốc-tế-chủ-nghĩa.
Intervenir = Can-thiệp.
Intrigant = Châu-tuần.

Julien (Trang 24, chú).

Kant (Trang 90, chú).

Lamartine (Trang 83, chú).
Lamennais (Trang 87, chú).
Législatif = Lập-pháp.
Législative (La) = Chính-phủ Lập-pháp (trang 46 chú).
Libération = Giải-phóng.
Libre arbitre = Tự-nhiệm (trang 11).
Logique = Lý-luận-học (trang 91, chú).
Louis (Saint) (Trang 43, chú).
Luther (Trang 35, chú).

Mairie = Nhà Thị-sảnh.
Maistre (Joseph de) (trang 10, chú).
Marc-Aurèle (trang 24, chú).
Marché = Thị-trường.
Mécanique = Động-học.
Métaphysique = Thuần-lý.
Milieu = Hoàn-cảnh.
Mirabeau (trang 42, chú).
Molière (trang 92, chú).
Monarchie de Juillet = Chính-phu Quân-chu tháng bảy (trang 46, chú).
Monothéiste = Độc-thần.
Montesquieu (trang 9 và trang 83, chú).
Moteur = Động-cơ.
Moyen âge = Trung-cổ.
Musée d' art = Bảo-tàng-viện.

Nationalisme = Quốc-gia-chủ-nghĩa.
Nationalités (principe des) = Dân-tộc-chủ-nghĩa.
Nomade = Du-mục.
Norme = Tiêu-chuẩn.
Noumène = Thực-thể. (Xem *Hiện-tượng*).

Opinion publique = Dư-luận.
Organisation = Tổ-chức.

Parti-pris = Thiên-kiến.

Pascal (trang 82, chú).
Pasteur (trang 41, chú).
Péril = Hiểm-tượng.
Péripatéticiens = Tiêu-dao học-phái (trang 34, chú).
Persécutions religieuses = Bách-hại về tôn-giáo (trang 23).
Phénomène = Hiện-tượng.
Physiologie = Sinh-lý-học.
Platon (trang 35, chú).
Poincaré (Henri) (trang 89, chú).
Point de vue = Phương-diện.
Port de commerce = Phụ-đầu.
Positif, positiviste = Thực-nghiệm.
Postulat = Tiêu-chuẩn.
Pouvoir (hommes au) = Đương-đạo.
Pragmatique = Thực-nghiệm.
Prendre isolément = Đơn-cử.
Prédestination = Thiên-định (trang 11)
Préjugé = Thiên-kiến.
Principe essentiel = Tôn-chỉ.
Progrès = Tiến-bộ ; tiến-hóa (trang 10).
Prolétariat = Lao-động.
Propagande = Cổ-động.
Protestantisme = Cơ-đốc tân-giáo (trang 35).

Racine (trang 88, chú).

Raison directe = Chính tỉ-lệ.
Raison inverse = Phản tỉ-lệ.
Réalité, réalisme = Hiện-tượng ; thực-tế.
Refléter = Phản-chiếu.
Réforme (La) = Tôn-giáo Cải-cách (trang 35).
Régenter = Chi-phối.
Régir = Chi-phối.
Relations d'amitié = Giao-hiếu.
Relations diplomatiques = Giao-thiệp.
Relations sociales = Giao-tế.
Renaissance (La) = Văn-nghệ Phục-hưng (trang 35).
Renan (trang 88, chú).
Renverser = Khuynh-đảo.
République = Cộng-hòa (trang 46 và 55, chú).
Résoudre = Giải-quyết.
Restauration (La) = Quân-chủ Phục-quyền (trang 46).
Robespierre (trang 42, chú).
Romantisme = Lãng-mạn-chủ-nghĩa.
Rude (trang 52, chú).

Sainte-Beuve (trang 83, chú).
Salut public (Comité du) = Hội-đồng Cứu-quốc (trang 42, chú).
Sand (George) (trang 83, chú).
Sauvagerie = Dã-man (trang 10).
Science, scientifique = Khoa-học.

Secret = Bí-tàng.
Sensation = Cảm-giác.
Solidarité = Đoàn-thể ; liên-đái-quan-hệ.
Solidarité internationale = Quốc-tế-liên-lạc.
Solutionner = Giải-quyết.
Sortir de l'ordinaire = Bạt-chúng.
Spéculative (science) = Lý-học.
Spiritualisme = Tinh-thần-luận (trang 35, chú).
Substance en soi = Thực-thể. (Xem *Hiện-tượng*).
Symbole = Biểu-hiệu.
Système nerveux = Thần-kinh-hệ.

Taine (trang 87, chú).
Tendance = Khuynh-hướng.
Tiers Etat = Đệ-tam-cấp, thứ-dân (trang 42, chú).
Tomber (faire) = Khuynh-đảo.
Travail = Lao-động.
Tunnel = Tụy-đạo.

Union des Douanes = Quan-thuế liên-hợp (trang 67).
Union Postale internationale = Quốc-tế Bưu-chính liên-hợp (trang 68).
Voltaire (trang 9 và 87 chú).

IMPRIMÉS

CẢI-CHÍNH

Quyển này, mục Tự-vựng, trang thứ IV, dòng thứ 15, chữ hán, in lầm chữ 陶汰, nay cải-chính làm 淘汰 cho đúng.

Certifié conforme au tirage s'élevant à Trois mille exemplaires

Hanoi, le 3 Mai 1917

đọc sách Tây, không cần phải đọc sách Tàu, chỉ biết chữ quốc-ngữ cũng có thể thông-hiểu được các điều nghĩa-lý làm gốc cho văn-hóa đời xưa đời nay.

Chúng tôi ước-ao rằng sau này người An-Nam chỉ học bằng tiếng An-Nam có thể trở nên được người thông-hiểu, chỉ đọc bằng sách quốc-ngữ cũng đủ bổ ích được cho trí khôn, ngày ấy thời sự khai hóa trong nước mới thật là có kết-quả vậy.

Muốn cho đạt được mục-đích đó, điều thứ nhất là cần phải có sách, không phải là sách « văn-chương chơi », mà là những sách thật có giúp được cho sự học.

Những sách ấy, hiện nay còn thiếu lắm.

Bộ « Nam-Phong Tùng Thư » này đặt ra là để bổ cho sự khuyết đó.

Chúng tôi định xuất-bản thành sách mỗi quyển chừng 120 trang, bàn-bạc giảng-giải về khắp các vấn-đề văn-học, khoa-học, triết-học, hoặc là biên-dịch, hoặc là soạn-thuật, cốt là cầu lấy cho rõ-ràng đích xác, có thể làm bộ sách nghiên-cứu để cống-hiến cho các đồng-bào hiếu-học — Sau mỗi quyển lại phụ thêm mấy trang « Tự-vựng » cắt nghĩa rõ các danh-từ mới và dịch ra tiếng Pháp. Mong rằng sách ra hợp-thời, sẽ bổ ích được ít nhiều cho các bạn độc-giả.

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

PHẠM QUỲNH *Chủ-nhiệm*

Bộ « Tùng-Thư » này xuất-bản thành sách, mỗi quyển chừng 120 trang, có tự-vựng các danh-từ mới, mỗi quyển giá 0$40.

Những sách đã xuất-bản và sắp xuất-bản như sau này :

I. - Văn - minh luận (đã xuất-bản)
II.—Ba tháng ở Paris (sắp xuất-bản)
III.—Văn-học nước Pháp (—)
IV.—Chính-trị nước Pháp (—)
V.—Khảo về Tiểu-thuyết (—)
VI.—Lịch - sử thế - giới (—)
vân-vân . . . . .

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Sáng-lập từ năm 1917,
mỗi tháng xuất-bản một kỳ
có ba phần Quốc-ngữ, Hán-văn và Pháp-văn

PHẠM QUỲNH *Chủ-bút*

Mỗi năm 12 số, giá đồng-niên là 6$00
Nửa năm 6 — giá nửa năm — 3.00
Mỗi số giá 0$50.

Bán tại *Đông-kinh ấn-quán* (Imprimerie Tonkinoise), 80-82 Rue du Chanvre, Hà nội.